

THÀNH DUY THỨC LUẬN LIỄU NGHĨA ĐĂNG

QUYỂN 6 (PHẦN CUỐI)

Luận: Như vậy bốn duyên nương theo mười lăm xứ lập mười nhân.

Hỏi: Nương theo xứ có mười lăm, vì sao nhân chỉ có mười mà không tăng giảm?

Đáp: Lược bài tụng giải thích rõ ràng. Tụng rằng:

*Quả đối nhân thuận nghịch
Hiển cho đến hình trì
Thân sơ và viễn cận
Thuận biệt lập mười nhân.*

Giải thích có sáu đối. Một là vi thuận đối, chia làm hai nhân là Tương vi nhân và Bất Tương vi nhân. Vi là tương vi, nhân có thể trái với các pháp, không sinh v.v... Tương vi có sáu loại, luận Du-già quyển 38 ghi:

1. Ngôn thuyết tương vi, nghĩa là các luận trước sau trái nhau, tức là tự ngôn thuyết trái nhau, v.v...
2. Đạo lý tương vi, tức là bốn tương vi v.v...
3. Sinh khởi tương vi, có thể sinh duyên thiếu chương kia sinh hợp.
4. Đồng xứ tương vi, nghĩa là sáng tối v.v... không thể đồng xứ.
5. Oán địch tương vi như rắn độc chuột sói v.v... hổ tương làm oán địch.
6. Chương trị tương vi nghĩa là bất tịnh quán trái với tham v.v...

Nay chấp lấy sinh khởi tương vi lập ra Tương vi nhân. Thuận nghĩa là chín nhân khác đều thuận theo sinh quả, gọi là Bất tương vi nhân.

Hai là đứng về thuận phần hiển và đối, “hiển” nghĩa là Tùy thuyết nhân, vì do lời nói có thể hiển bày các pháp, chẳng phải là nhân sinh;

“và” nghĩa là Đồng sự nhân, nghĩa là từ quán đãi cho đến định khác, đều đồng có thể sinh giúp cùng quả. Đứng về Đồng sự nhân phân chia hai nhân Hình trì đối với Ly xuất. Hình nghĩa là hình đãi, lập ra quán đãi nhân, đơi nhân quả khởi; Trì nghĩa là giúp nghĩa lập ra nhiếp thọ nhân. Lại đối với Đồng sự, phân ra viển cận đối ly xuất Khiên dẫn, Sinh khởi hai nhân. Trong hai nhân có Đẳng lưu, Dị thực. Hai nhân khác nhau gọi là thân sơ, do nhân cách quả có viển cận. Ở trong viển cận thuận phần biệt đối với ly làm hai nhân là Dẫn phát và Định dị, nên mười nhân này lại không tăng giảm.

Hỏi: Vì sao y xứ chia làm mười lăm xứ, nương theo xứ lập làm nhân tức là chỉ có mười?

Đáp: Như luận giải thích rõ ràng.

Hỏi: Nhân vì sao khai mười, quả chỉ lập năm?

Đáp: Nhân ẩn mà khó biết cho nên khai làm mười, quả tướng hiển bày mà dễ rõ cho nên lập làm năm. Lại là trong quả vi và Vô vi khác nhau Vô vi lập ra một, Hữu vi lập ra bốn, sinh ra tự tha khác nhau chia làm hai nghĩa là Đẳng lưu, Dị thực. Nhân pháp có khác nhau, lại chia ra Sĩ dụng, Tăng thượng, hoặc thân sơ có khác chia ra Sĩ dụng, Tăng thượng, do đây được kia lập làm Sĩ dụng, không chướng ngại tha tánh cũng thành lập Tăng thượng.

Hỏi: Vì sao quả của Vô vi chỉ lập ra một?

Đáp: Vô vi lý đồng đương quả lập ra một, Hữu vi sự khác gần thành lập bốn loại. Lại giải thích nhân tuy có mười nhưng không ngoài sinh và liễu, quả của sở đắc không ngoài Vi và Vô vi. Trong Vi và Vô vi chia ra cộng bất cộng. Bất cộng nghĩa là trong Hữu vi, Dị thực, Đẳng lưu, trong Vô vi tức là một thứ lìa trói buộc; Cộng nghĩa là Sĩ dụng và cùng với Tăng thượng, bất sinh Sĩ dụng tức là Vô vi, dụng của Tăng thượng rộng rãi, nên được thông với hai, cho nên quả chỉ có năm.

Luận: Một là Ngũ y xứ v.v...

Tây Minh có hai giải thích: Thứ nhất lấy Sở giải thích luận kia tự như nghĩa, thứ hai Sở chánh giải thích văn kia. Căn cứ thật Sở giải thích, luận này chính giải thích văn của luận Du-già v.v... lấy sở khởi ngũ làm ngũ y xứ, tức là y xứ này làm Tùy thuyết nhân, nên luận Du-già quyển 5 nói rõ nhân y xứ rằng: “Nghĩa là nương theo y xứ lập ra Tùy thuyết nhân”, cho đến nói “tướng là trước nên ngũ chuyển do ngũ nên tùy theo kiến, văn giác, tri khởi các ngôn thuyết”. Đã nói do ngũ nên khởi các ngôn thuyết, không nói do danh, tướng, kiến khởi các ngôn thuyết, là biết rõ không lấy ba thứ danh, tướng, kiến làm ngũ y xứ và Tùy thuyết

nhân. Luận Hiển Dương quyển 18 cũng đồng với luận Du-già quyển 5. Tuy luận Du-già, luận Hiển Dương giải thích ngữ nhân nói: tên gọi là trước nên tướng, tướng là trước nên thuyết, nghĩa là các pháp kia Tùy thuyết nhân, tựa như chấp lấy ba thứ tên gọi, tướng, ngữ, làm Tùy thuyết nhân. Chuẩn theo giải thích nhân y xứ, tức là chỉ nói rằng do ngữ nên khởi các ngôn thuyết, không nói do tên gọi, tướng, ngữ khởi các ngôn thuyết, cũng không nói rằng do ngữ v.v... nên khởi các ngôn thuyết. Các nhà giải thích đâu cần phiền phức chia làm hai giải thích, vì vậy luận Tạp Tập chuẩn theo luận này nên có khác.

Nói tùy theo kiến, văn giác, tri nghĩa là sư Tạp Tập số nói: Lược làm hai môn phân biệt: một là nêu thể, hai là phước lập.

1. Nêu thể, Tạp Tập quyển 2, luận Du-già Du-già quyển 56 đều làm ra thuyết này. Căn cứ theo Thắng nghĩa đế, kiến v.v... chẳng phải căn, cũng chẳng phải thức v.v... vì các duyên sinh, sát-na diệt, không phải tác dụng, do có hòa hợp, giả gọi là kiến v.v... . Nương theo Thế tục đế, kiến v.v... là căn, chẳng phải thức kia v.v... đầy đủ năm nghĩa. Luận kia nói sáu nghĩa, nay nói năm là chỉ nhận lấy căn nghĩa, không nhận lấy giáo lượng, nói năm nghĩa là:

1. Do sinh nhân vì nhân sinh thức.
2. Do y xứ vì thức nương theo nhân.
3. Do vô động vì tương tục một loại.
4. Do tự tại vì không đợi duyên bên ngoài, niệm niệm sinh khởi.
5. Đoan nghiêm chuyển vì trang nghiêm Y thân.
6. Do thuyết vì Thánh giáo nói nhân có thể thấy sắc.

Luận Du-già quyển 2 ghi: “Kiến nghĩa là nhân căn hiện thấy sắc bên ngoài, văn nghĩa là từng tha, giác nghĩa là không thấy và không từng nghe, chỉ tự tư duy gọi là lượng quán sát, tri nghĩa là đối với bên trong đã thọ đã chứng”. Quyển 93 ghi: “Hai loại kiến tri thuộc về hiện lượng, giác thuộc về tỷ lượng, văn là thánh ngôn lượng”. Chuẩn theo đây tức là nói nhân căn gọi là kiến, ý nhờ tai sinh duyên theo giáo gọi là văn, đồng duyên theo tất cả danh, cú, văn ba gãy khúc sinh, nên ngài Trần Na nói: Thánh ngôn lượng kia thuộc về tỷ lượng, nên văn là ý, nhờ tai nghe tiếng nên nhĩ gọi là văn, tai thật không thể duyên theo tên gọi v.v... chẳng phải là tỷ lượng, duyên theo chẳng phải là Thánh ngôn cũng thuộc về văn này. Luận phần nhiều nương theo văn Thánh ngôn kia. Giác tức là không nương theo kiến v.v... chỉ sinh ý thức và Thức thứ bảy, luận Du-già chỉ nói là tỷ lượng, nương theo ý thức mà nói Mạt-na cũng có thể khởi tạo, cũng chưa từng gửi, chưa từng nếm, xúc chạm,

chưa từng tri chứng, nhưng ý tư duy trừ lượng quán sát, cũng thuộc về giác. Trong luận chỉ nêu chưa từng thấy nghe, vì nêu thẳng thuyết, tùy theo năm thức sau đã khởi ý thức tỷ lượng, cũng thuộc về giác này, chỉ nêu Độc đầu rõ ràng dụng thù thắng, nếu không như vậy liền thiếu ý thức này. Tri tức là nhĩ, tỷ, thiết, thân, năm câu ý thức, phẩm tâm thứ tám và các định tâm, luận Du-già chỉ nói từ bên trong đã thọ đã chứng v.v.... Lại nói tri nay thuộc về hiện lượng, tức là hiển bày kiến tri chỉ thuộc về hiện lượng. Hai thứ văn giác thông với tỷ, phi lượng; và hiển bày kiến tri thông với lậu Vô lậu, văn, giác chỉ có Hữu lậu. Các tâm Vô lậu, duyên theo giáo sinh thuộc về tri sở, chẳng phải là tỷ lượng. Hoặc nói bốn thứ này nhiếp thức không hết, duyên theo phi giáo thanh có phi lượng, tỷ lượng, văn không nhiếp. Mạt-na cấu tạo thuộc về phi lượng, giác không nhiếp hoặc bốn thứ chỉ căn cứ theo sáu thức làm ra luận; bảy thức không thể phân biệt rõ ràng cảnh, khởi ngôn thuyết.

Lại luận Hiển Dương quyển 18 ghi: “Ở trong cõi Dục đầy đủ bốn ngôn thuyết, cõi Sắc không có giác không có suy lường, vô sắc hoàn toàn không”, nên biết bốn loại này nhiếp không hết, nghĩa này không như vậy. Thánh phi Thánh ngôn đồng nương theo bốn thứ; nương theo Thức thứ bảy khởi ngôn thuộc về vô xứ; Sắc giới ý thức nhiễm tâm v.v... sau đã khởi ngôn thuyết thuộc về vô xứ, nhưng tâm địa kia phần nhiều không phải cấu tạo mà khởi ngôn thuyết, chẳng phải nó hoàn toàn không phải giác ngôn thuyết, nói cõi Vô sắc không có bốn ngôn thuyết, đâu phải trong cõi kia biết cũng chẳng có, tà kiến của ngoại đạo giác cũng không ư? Do cõi Sắc đầy đầy đủ bốn thứ, Vô sắc có giác tri mà không phải ngôn thuyết nên tri như trước đã nói là thiện.

2. Phế lập, là dùng lý để luận. Vả lại nên lập làm hai: một là tri, hai là giác. Tất cả hiện lượng đều thuộc về tri, tất cả tỷ lượng, phi lượng thuộc về giác. Hoặc nên lập làm ba vì hiện lượng, tỷ lượng, phi lượng khác nhau. Nay lập làm bốn vì dụng của nhãn xa, biết rõ trong tri lìa ra khỏi độc lập là dụng của kiến. Ý thức rộng, văn, giác tri nhiếp. Phần vị khai làm ba, bên ngoài duyên theo sư giáo và tự suy tầm, bên trong do chứng được cảnh, Mạt-na chỉ có hai loại nhiễm và tịnh, cấu tạo chứng được cảnh của hai loại, năm thức còn lại dụng chẳng phải thù thắng, bên trong tư duy nghĩa v.v... chung lập tên tri, lại ban đầu tướng gặp nhãn trước năng kiến, nghe ngôn thuyết kia, tâm cấu tạo xa nó. Sau đó các căn lãnh nạp cảnh giới khác, thứ lớp như vậy dụng có mạnh yếu, hoặc hợp hoặc khai, nên chẳng phải tăng giảm. Các nghĩa môn khác như Biệt chương nói.

Luận: Tập khí y xứ v.v...

Tây Minh tự hỏi: Chuẩn theo Bồ-tát Địa nương theo Khiên dẫn nhân dẫn dắt hai quả Niết-bàn, vì sao luận này dưới đắc quả không được lìa trói buộc? Luận này chứng tử của đối trị quả Hữu vi trong năm quả trừ Khiên dẫn, Sinh khởi, không thể thân chứng được quả ly phược, đây giải thích không như vậy. Nay cho rằng nếu căn cứ theo năng dẫn tức là chấp lấy chứng tử, là Bồ-tát địa. Nếu căn cứ theo năng chứng tức là trừ chứng tử, văn của luận này là chẳng phải trong luận này chỉ mong Hữu vi, nhưng chứng tử, hiện hành khác nhau, dẫn chứng có khác nhau, đều căn cứ theo một nghĩa, nên không phải trái nhau.

Lại hỏi rằng: Luận Du-già quyển 5 nói chứng tử của nghiệp làm Khiên dẫn nhân, chứng tử của danh ngôn làm Sinh khởi nhân, vì sao trong đây theo nhuận và chưa nhuận khai làm hai nhân?

Giải thích rằng: Loại hai nhân này thông với các chứng tử, như luận này nói, nhưng Tâm tứ địa đứng về tương hiển mà nói, vì nghiệp đối thừa xa nên gọi là Khiên dẫn. Danh ngôn sinh ra quả gần gũi gọi là Sinh khởi. Khiên dẫn, Sinh khởi này nhiều nghĩa không đồng, hoặc có chỗ nói cận viển tương đối hai nhân môn, như luận Tạp Tập quyển 4, vô minh mong lão tử làm dẫn dắt, vô minh mong hành làm sinh. Hoặc có chỗ nói danh ngôn, nghiệp chứng làm hai nhân môn như Tâm tứ địa. Luận kia ghi: “Nương theo tập khí y xứ do tịnh bất tịnh nghiệp v.v... lôi kéo dẫn tự thể”, cho đến rộng nói có nhuận chứng tử y xứ, ba cõi trói buộc pháp đều từ chứng tử sinh, gọi là Sinh khởi nhân, luận Hiển Dương đồng với đây. Nay cho rằng văn này cũng bao gồm vị nhuận dĩ nhuận, tên gọi làm dẫn, sinh; đối với sinh nói nhuận hiển bày dẫn vị nhuận, không chỉ nghiệp chứng và danh ngôn đối, nên hai luận nói ái làm năng nhuận. Chứng làm sở nhuận, nên dẫn kinh rằng: “Nghiệp làm Cảm sinh nhân, ái làm Sinh khởi nhân”. Hoặc có chỗ nói chứng tử có thể sinh ra dị loại, tự loại hai nhân môn, như luận Bồ-tát địa, trong Tạp nhiễm nói ở trong hiện pháp, pháp vô minh v.v... có chứng tử dĩ sinh dĩ trưởng, nay chứng tử này mong sinh sinh lão tử khác làm Khiên dẫn nhân, pháp vô minh v.v... đều riêng chứng tử gọi là Sinh khởi nhân. Nay cho rằng trong đây cũng căn cứ theo xa gần, đã sinh đã lớn nên gần, mong sinh lão tử v.v... khác tức là mong xa, nên trong nhân Vô ký nói: Do đến riêng tự chứng tử, các thứ cày cấy sai biệt mà sinh làm Khiên dẫn nhân, tức là hạt giống kia mong chỗ sinh ra mầm lúa gọi là Sinh khởi nhân. Lại nói, tất cả chứng tử mong tự quả sau gọi là Khiên dẫn nhân, đứng về tự quả ban đầu gọi là Sinh khởi nhân, chẳng phải ắt sẽ loại khác. Hoặc có chỗ

nói chung tử đối Niết-bàn, pháp Bồ-đề phần hai nhân môn như luận Bồ-tát Địa trong nhân thanh tịnh nói. Nay cho rằng trong đây cũng bao gồm địa vị đã thuần thực gọi là dẫn sinh, nói nhiếp thọ nhân gần gũi cận thiện sĩ, nghe theo văn chánh pháp, các căn thuần thực, gọi là Nhiếp thọ nhân, kể nói sinh khởi, nên do thuần thực.

Luận: Nhiếp thọ năm v.v...

Hỏi: Vì sao các luận giải thích mười nhân này thứ lớp có khác nhau, luận này khiên sinh sau nói nhiếp thọ, văn của luận Bồ-tát địa nhiếp thọ nhân, sau mới giải thích năng sinh?

Đáp: Văn của luận Bồ-tát Địa căn cứ theo sinh, hiện thứ lớp, do có tập khí các duyên nhiếp thọ mới bản chất năng sinh, văn khác tức là căn cứ theo thể loại thứ lớp, dẫn, sinh đồng chung tử, vị nhuận, nhuận khác nhau, nên không trái nhau.

Sớ giải thích rằng: Giúp đỡ thành nhân duyên, gọi là nhiếp thọ, nên trừ nhân duyên thân năng sinh. Cho nên, luận Tạp Tập ghi: “Tuy có chủng tử sinh, có thể tăng thêm sức kia gọi là nhiếp thọ nhân”.

Tây Minh giải thích rằng: Có thể tăng thêm sức kia là giải thích nhân nghĩa kia, chẳng giải thích tên nó, nay cho rằng không đúng. Nếu giải thích nhân nghĩa, nhận lấy giải thích tên này có lỗi gì? Như luận kia giải thích, Tùy thuyết nhân là tùy khởi thuyết, Quán đãi nhân là vì muốn sinh nhân, Khiên dẫn nhân là chiêu lấy đương hữu. Sinh khởi nhân là sinh ra đương hữu, Nhiếp thọ nhân là có thể tăng thêm sức kia. Nếu không lấy nghĩa của giải thích nhân này, giải thích tên nhân, lại nghĩa giải thích như thế nào? Lại nữa tự nói Nhiếp thọ nhân, các luận giải thích tên không đồng, luận Du-già v.v... luận về nhân có thể nhiếp lấy quả gọi là Nhiếp thọ nhân. Luận Tạp Tập giải thích tên nhân khác, đều đồng với các luận, vì sao chỉ nhiếp thọ chỉ giải thích nghĩa của nhân? Lại luận Du-già quyển 38 ghi: “Nhờ tất cả tâm và tâm sở kia, trước sinh khai đạo đã nhiếp thọ, cảnh giới của sở duyên đã nhiếp thọ, mới sinh mới chuyển, nhiếp thọ tức là tha tăng thêm sức”, nếu không như vậy vì sao mới sinh mới chuyển?

Luận: Dẫn phát nhân.

Sớ giải thích rằng: Nhất định là đồng tánh, mong phẩm hậu thắng, tánh luận thì hẹp, giới luận thì rộng.

Tây Minh nói: Chỉ hiển bày tùy theo đồng loại, chưa nhất định đồng tánh. Yếu Tập giải thích: Có giải thích cho rằng chủng tử của ba tánh, tùy theo sở y thức thành tựu Vô ký tánh, tuy tánh không đồng nhưng tương thuận nên có thể sinh ra thiện v.v...

Hỏi: Đây nói tùy theo sở y thức, thành tự Vô ký tánh, tuy tánh không đồng, nhưng tướng thuận nên có thể sinh ra thiện v.v... là chủng tử của thiện nương theo thức gọi là Vô ký, sinh ra hiện thiện pháp, gọi là tướng thuận, vì sinh ra tánh khác gọi là tướng thuận, nếu sinh ra tánh khác, trái với các luận nói, nếu trở lại sinh ra thiện, đây tức là tánh đồng, vì sao được nói chưa nhất định tánh đồng? Nên quyển 2 trước ghi: “Nhân quả đều có tánh thiện v.v... nên cũng gọi là thiện v.v...”. Yếu Tập lại ghi: “Như ba tánh, thứ sáu duyên theo kiến thứ tám được hiện ảnh tượng, tùy theo tự Kiến phần tức là thông với ba tánh, mà có thể huân tập thành chủng tử Vô ký”, đây cũng tánh khác tướng thuận có thể sinh, ai nói tướng này nhất định tùy theo kiến tánh? Nếu nhất định tùy theo kiến tánh sinh ra quả Vô ký, chẳng phải tánh quyết định đều dẫn dắt tự quả, nếu nói sáu nghĩa kia nói chủng tử, đâu phải tướng huân tập chủng tử kiến kia, chẳng phải gần gũi nhân duyên ư?

Luận: Bồ-tát Địa nói v.v...

Sớ giải thích rằng: Khiên dẫn chủng tử, Sinh khởi chủng tử, hợp trong sáu nhân, các chủng tử của nhân duyên, vị nhuận trở về trước cũng chưa thuận thực gọi là khiên Dẫn chủng, tức là Khiên dẫn nhân hoàn toàn thiếu phần của bốn nhân, trừ Sinh khởi nhân. Nếu được nhuận trở xuống đều gọi là đã thuận thực tức là Sinh khởi nhân hoàn toàn thiếu phần của bốn nhân trừ Khiên dẫn nhân là đây Sinh khởi nhân này.

Tây Minh nói: Ở trong các nhân duyên chưa nhuận chưa thành gọi là Khiên dẫn chủng, đã nhuận đã thành thực gọi là Sinh khởi chủng.

Yếu Tập ghi: “Có thuyết nói thuận trước trái sau, có thuyết giải thích thuận sau trái trước”. Nhưng nói có giải thích đối với lý là thù thắng, nay cho rằng không đúng. Căn cứ theo Tây Minh giải thích, sáu nhân đều thông với Khiên dẫn, Sinh khởi, tức là Khiên dẫn, Sinh khởi, hai thứ vì sao khác nhau? Nếu nói mong quả vị chia làm hai nhân duyên chủng, chính sinh ra hiện quả, đã nhuận thực gọi là sinh khởi chủng, tức là chủng tử của nhân này mong tự quả sau, chưa nhuận thực gọi là Khiên dẫn chủng, do đây đều thông, đây nói cũng trái. Chuẩn theo đây tức là lẽ ra Sinh khởi ở đầu, Khiên dẫn ở sau. Lại không thể có nhuận mong quả xa gần, cũng chia thành hai. Văn trước tự nói chưa thuận thực vị nghĩa là có thể lôi kéo dẫn xa tự quả, đã thuận thực vị nghĩa là sinh ra khởi gần tự quả, nên biết khiên dẫn tức là Khiên dẫn chủng, Sinh khởi tức là Sinh khởi chủng, trái với văn kia v.v... không thể chia lại. Văn kia đoạn sau nói: Trong sáu nhân kia, các nhân duyên chủng, đều nhiếp ở trong hai vị này, nên ý nói, chủng tử đã nhuận lại nói khi chưa nhuận,

gọi là Khiên dẫn chủng, chủng tử chưa nhuận hiển rõ luận, nếu nhuận đã qua gọi là sinh khởi chủng. Nói sáu nhân kia đều nhiếp ở trong hai vị này, căn cứ theo luận thể nó, chỉ là chưa nhuận hoàn toàn gọi là Khiên dẫn chủng, đã nhuận hoàn toàn gọi là Sinh khởi chủng, nên không trái với sau. Nhưng luận dưới giải thích Tâm tứ địa văn nói Sinh khởi nhân và giải thích Bồ-tát địa văn có khác, văn kia không căn cứ theo phần của nhuận chưa nhuận, chỉ căn cứ theo gần gũi có thể sinh ra tự quả, tức là sinh khởi, không làm một ví dụ.

Luận: Nếu Tăng thượng quả mười nhân bốn duyên tất cả dung chứa được.

Hỏi: Tương vi nhân, vì sao làm Tăng thượng quả? Yếu Tập ghi: “Có thuyết nói như sương v.v... và lá màu xanh v.v... làm Tương vi nhân, lá màu vàng v.v... làm Tương vi quả.

Tây Minh giải thích: Tức là do sương, khiến cho màu xanh không sinh, tức là Tương vi quả. Yếu Tập ghi: “Nay có giải thích thù thắng, nếu do sương v.v... là màu vàng sinh là bất tương vi chẳng phải Tương vi nhân”. Lại nói: “Do sương v.v... làm tổn hại màu xanh khiến cho màu xanh v.v... mất duyên không sinh được phi Trạch diệt, sương làm Tương vi nhân, phi Trạch diệt làm Tương vi quả”, nay cho rằng hai giải thích không thích hợp điều văn hỏi.

Hỏi: Nếu màu xanh v.v... không sinh tức là Tương vi quả, không sinh ra pháp nào, nếu màu xanh v.v... kia không sinh tức là pháp vô thể, vì sao vô pháp cùng với quả Hữu vi? Lại Bất tương ứng nhân nói: Tương vi nhân này thiếu, nếu là Bất tương ứng nhân, không thể vô pháp cùng với nhân của Hữu vi. Nếu nói rằng màu xanh v.v... mất, duyên không sinh được phi Trạch diệt, sương làm Vi nhân, phi Trạch diệt làm quả, cũng không như vậy. Nếu mong phi diệt trở lại là thuận nhân, không thể cùng với màu xanh v.v... làm Tương vi nhân, chỉ chấp lấy Phi trạch làm quả. Lại luận giải thích, nhân thuận lợi ích nghĩa, duyên chỉ kiến lập nên biết không cùng bất sinh trụ v.v... làm nhân. Nếu nói mong bất sinh trụ v.v... là thuận ích, lại không được nói Tương vi nhân lại vô thể, ai làm ra quả?

Hỏi: Nếu trái nhau như vậy, nhân quả của ai?

Đáp: Nay cho rằng vốn giải thích chấp lấy màu vàng v.v... làm quả tức là nhân của màu vàng. Nếu như vậy tương thuận, thế nào gọi là tương vi?

Đáp: Đây nói không lỗi, như bốn Tương vi nhân cùng với Tương vi pháp làm nhân. Luận Bồ-tát Địa ghi: “Nếu phẩm tạp nhiễm các Tương

vi nhân, nên biết tức là thanh tịnh pháp nhân, nếu phẩm thanh tịnh các Tướng vi nhân, nên biết tức là tạp nhiễm pháp nhân”, cho nên luận này chung nói mười nhân đắc được tăng thượng quả, trông mong nghĩa khác nhau.

Yếu Tập hỏi: Mười nhân bốn duyên chỉ căn cứ theo hữu pháp Hữu vi mà nói, cũng thông với vô pháp và Vô vi ư?

Đáp: nói: Có thuyết nói chỉ nương theo Hữu vi để luận vô pháp vô thể, Vô vi vô tác dụng, nên chẳng phải nhân quả.

Yếu Tập tự nói, nay cho rằng quán đái lẽ ra có vô pháp Vô vi làm nhân, cảnh giới y xứ cũng thông với Vô vi, vì sao được nói chẳng phải lập nhân quả? Nay cho rằng Yếu Tập phần lớn có tâm phụ thêm, Sơ chánh giải thích văn này mười nhân bốn duyên đắc được tăng thượng quả.

Hỏi: Vì sao trong Bất tướng vi nhiếp Vô vi? Vì sao đắc được tăng thượng?

Đáp: Mười nhân đều được không phải không được, không đồng với Tiểu thừa, Vô vi chẳng phải sáu nhân, nhân quả của năm quả, không nói có thủ càng làm nhân, nhưng cùng với sở không chướng ngại làm nhân, sở không ngại tức là quả của Vô vi này, không phải cùng thủ, nghĩa không đồng với Tiểu thừa. Lại xét bản chương, trong quả môn nói:

Hỏi: Tức là đã do sở chứng của giả, vì sao Chân như không được gọi là Sĩ dụng quả?

Đáp: Nếu năm uẩn giả làm sĩ phu, Chân như chẳng phải Sĩ dụng quả, nếu căn cứ theo chỗ cần cù được biệt biệt pháp đã hiển bày, ngại gì Sĩ dụng quả? Vì chánh trí chứng đắc, không nói Vô vi chẳng phải là nhân quả lại chung lược hỏi.

Hỏi: Nương theo luận Tạp Tập tên gọi, tướng, kiến ba thứ là ngữ nhân, tức là lấy tên gọi làm Tùy thuyết nhân chẳng?

Đáp: Căn cứ theo giải thích trước ngữ làm Tùy thuyết nhân, chẳng phải danh, tướng, kiến.

Hỏi: Tức là ngữ nhân, vì sao không gọi là Tùy thuyết nhân?

Đáp: Đây không nói làm Tùy thuyết nhân, ý cho rằng tất cả pháp là sở thuyết, ngữ tùy thuyết kia gọi là Tùy thuyết nhân, đây chính là nhân của tùy sở thuyết, tức năng thuyết làm thể, không muốn nói rõ ngữ nhân kia làm Tùy thuyết nhân. Nếu nói đây là nhân, tức là nói tùy sở thuyết nhân của năng thuyết, mong sở thuyết pháp vì gần xa.

Hỏi: Luận cho rằng trừ bốn thứ trước, còn lại đắc quả là tăng thượng quả vì căn cứ theo pháp Sĩ dụng giả Sĩ dụng, nếu pháp Sĩ dụng

niếp pháp hết, lại có pháp nào đắc được tăng thượng quả?

Đáp: Điều không có lỗi, nhưng trong pháp Sĩ dụng không nhiếp Vô vi, Vô vi không chướng ngại, pháp khác được sinh, đều tăng thượng quả.

Hỏi: Tương vi nhân tức là nhiễm thiện, vì sao không nói đắc được quả Dị thực? Vô gián diệt y và căn y xứ đều thông với ba tánh, vì sao nhiếp thọ không đắc được quả Dị thực?

Đáp: Vô gián diệt y và căn y xứ hợp với Tương vi nhân đều là hiện hành quả Dị thực là căn cứ theo trông mong chủng tử đắc.

Hỏi: Nếu như vậy, vì sao gọi là hữu Dị thực?

Đáp: Căn cứ theo thật năng hữu gọi là hữu Dị thực, bỏ quả ít xa không nói đắc được.

Luận: Các luận khác đã rõ v.v...

Có hai giải thích, ý nói rằng bốn duyên nương theo mười lăm xứ dưới là các luận khác, trước giải thích bốn duyên đều là chánh luận, vì sao? Vì kết chỉ một bên nên nói rõ chánh luận xong, dưới tức là nói rằng bản thức, trong chủng tử dung chứa làm ba duyên, sinh hiện phân biệt v.v...

Tây Minh có hai giải thích, tức là chấp lấy bốn duyên trở xuống, dài là các luận khác, ý của bài tụng là hiển bày duyên sinh phân biệt, ý chẳng muốn nói rõ duyên sai biệt.

Yếu Tập ghi: Nếu giúp bài tụng ý làm chánh luận, không giúp bài tụng ý làm các luận khác, tức là có thích hợp với sau giải thích là thắng, nay cho rằng không đúng. Vốn giải thích vận hỏi bên ngoài, nếu không phải cảnh bên ngoài, phân biệt không sinh vận hỏi.

Bài tụng của Luận chủ đáp: “Do sức chủng tử thức triển chuyển nên nó phân biệt sinh”, tức là hiển bày do duyên phân biệt mới khởi, nên nói rõ bốn duyên, duyên sinh ra phân biệt, đều là chánh luận, như dưới sinh tử quả nhân đều là chánh luận. Nếu nói bốn nhân chẳng phải làm chánh luận, vì sao luận kết chỉ các luận khác mà thôi? Do căn cứ theo bốn nhân nói rõ sinh ra phân biệt, vì sao sau kết nương theo thức bên trong này hoàn toàn làm duyên khởi, phân biệt nhân quả, lý giáo đều thành tựu xả chánh chấp tà? Vì sao chắc chắn chấp?

Luận: Bảy thứ trước đối với tám sở duyên dung chứa hữu.

Tây Minh nói: Sở duyên thứ sáu biến khắp hư không tâm, tâm sở v.v... để làm Tướng phân, cũng là huân tập sinh ra chủng tử của tướng hư không v.v... kia, chẳng phải là có khổ huân tập sinh ra hiện hành kiến, tướng chủng tử Thức thứ tám vì Thức thứ tám không duyên theo

chúng tử của hư không v.v... nay cho rằng không đúng. Nếu duyên theo hư không v.v... chỉ huân tập thành chúng tử, hư không, cực vi v.v... đều sẽ chẳng phải giả, từ chúng tử sinh, nhiều lỗi như quyển 1 nói trước. Lại thừa nhận thành chúng tử, tuy chúng tử của kiến riêng, chẳng phải nhất định Vô lậu. Thức thứ tám vì sao không duyên? Nếu nói giả nên Thức thứ tám không duyên, tức là lẽ ra như vô không thể thành chúng tử, tức là thừa nhận thành chúng tử, tức là thể thật hữu Thức thứ tám nhất định năng duyên, Thức thứ tám tức là không duyên, rõ ràng hư không cực vi không phải chỉ thành chúng tử, tuy vốn giải thích rằng: Thức thứ sáu huân tập thành chúng tử của hư không v.v... không sinh ra Tướng phần của Thức thứ tám hiện hành, vì Thức thứ tám không duyên theo hư không v.v... nên không nói lia kiến chỉ huân tập thành chúng tử, không nói chúng tử này chẳng phải sở duyên của Thức thứ tám, nên nói không lỗi.

Luận: Chỉ trừ Kiến phần phi tướng sở duyên v.v...

Vốn giải thích như Số. Tây Minh có bốn giải thích, ở trong bốn giải thích, ban đầu giải thích chia làm hai; thứ hai trong giải thích chia làm ba, thứ ba trong giải thích chia làm bốn, thứ tư trong giải thích chia làm sáu, thành ra mười lăm giải thích, tổng bốn giải thích cùng với Số giải thích đồng, riêng chia thành sáu, tức là không đồng với Số.

Yếu Tập ghi: “Trong bốn giải thích, thứ tư là chính, vì tâm Vô lậu v.v... dụng biến khắp. Đối với biến bất biến, trong mười lăm giải thích, giải thích thứ mười ba là hơn hết, chánh trí chứng được Chân như và tâm khác v.v... chứng được tự chứng, đều không biến khắp tướng, đây còn lại tất cả kiến v.v... duyên theo tướng nhất định biến khắp mà duyên”. Nay cho rằng trong mười lăm giải thích của Tây Minh, đều không phải Nhất chánh, vì sao? Vả lại đứng về Lục thích chia làm bốn:

1. Kiến duyên theo tướng biến, còn lại đều bất biến là không như vậy, tức là đứng về bốn phần của thể, vì nói rõ tướng duyên, kiến duyên theo tự tướng tức là thân duyên, vì sao gọi là biến? Nếu đối khởi gọi là biến, là tự chứng phần, nên quyển 1 trước ghi: “Biến nghĩa thức thể chuyển, tự như hai phần, cũng không lựa ra kiến, lại biến khắp tướng duyên không phải vẫn nói, hai duyên tướng còn lại vì sao là bất biến?”.

2. Kiến duyên theo ba biến, còn lại đều bất biến, đây cũng không như vậy kiến duyên theo tướng biến có lỗi đồng với trước, hai thứ khác duyên theo ba đều không biến khắp, hai thứ duyên theo thường vì sao bất biến? Thứ tư duyên biến không biến khắp tướng, tự chứng phần gì?

Yếu Tập ghi: “Gồm chính có riêng, tức là bao gồm chính khác nhau, vì sao không phải biến khắp tướng, không biến khắp tướng đều vì sao gồm chính?”.

3. Kiến duyên theo bốn biến, còn lại đều không biến khắp, lỗi chuẩn theo trước mà biết.

4. Ba duyên kiến duyên theo tướng biến, duyên còn lại bất biến.

Yếu Tập ghi: “Trong đây giải thích là chính”, nay cho rằng đồng với trước đều cũng không chính, vì sao kiến duyên theo hai thứ sau? Biến khắp tướng có thể cũng không chính, vì sao kiến duyên theo hai thứ sau? Biến khắp tướng có thể như vậy, vì sao duyên theo tướng lại nói biến khắp tướng? Đâu không phải thân duyên theo đồng với thể Tướng phần? Lại phần thứ tư duyên theo tướng là bao gồm biến khắp tướng duyên, duyên với Kiến phần, cũng gồm chẳng phải chính, vì sao không biến khắp tướng? Nói quả duyên theo lời khác cũng chuẩn theo mà biết. Yếu Tập ghi: “Có thuyết nói Kiến duyên theo tự chứng biến khắp ảnh mà duyên, chứng tự chứng phần, duyên theo Tướng phần, Kiến phần, kiến duyên theo ba, bốn, vì gián cách”, biến khắp ảnh mà duyên đều không ứng với lý, đồng thể phần của nghĩa, vì sao nói gián cách? Vì kiến mong tự chứng. Vì sao gọi là cách? Vì kiến duyên theo tức chứng tức là tự bên trong chứng. Vì sao biến khắp duyên? Nếu biến khắp tướng duyên, vì sao gọi là duyên theo tự chứng? Do đây bên trong chứng không biến khắp mà duyên, ba thứ duyên theo Tướng phần, biến khắp ảnh mà duyên, không do gián cách, và do thật tánh. Nay nương tựa văn của Sở chỉ nói thân đặc tức là biến khắp ảnh duyên, không phải nói gián cách, vì hai phần sau trông mong tướng gọi là ngăn cách biến mong thứ tư, nghĩa vượt lên gọi là ngăn cách lý cũng không trái. Nếu nói rằng tức là biến khắp tướng duyên vì sao gọi là duyên tự chứng? Văn hỏi này cũng trái, như lấy gương làm duyên trở lại kiến tự chất, lấy tâm làm duyên trở lại thấy tự tâm đồng nói đâu không phải biến khắp tướng ư? Kiến duyên theo tự chứng, nên gọi là duyên theo tự chứng, đối với lý trái gì?

Luận: Các nghiệp nghĩa là phước, phi phước, bất động v.v...

Chuẩn theo luận Tạp Tập quyển 7 ghi: “Bất động nghiệp nghĩa là Sắc, Vô sắc trói buộc thiện”.

Hỏi: Vì sao Sắc, Vô sắc trói buộc nghiệp gọi là bất động?

Đáp: Như trong cõi Dục, đường khác viên mãn nghiệp thiện bất thiện, gặp duyên chuyển được đường khác Dị thực, chẳng phải Sắc vô sắc trói buộc nghiệp có việc như vậy, vì đã thọ Dị thực địa quyết định.

Cho nên đứng về Di thực không thể di chuyển, gọi là bất động.

Sớ ghi: Như giúp nghiệp dưới sinh về Ngũ tịnh cư, chẳng không phải di chuyển, nên giải thích này trái. Luận quyển 2 giải thích: “Lại định địa nhiếp nên nói là bất động”. Sớ ghi: “Vì định có thể ở nơi một cảnh”, giải thích này là thắng.

Tây Minh giải thích: Luận Tập Tập ban đầu giải thích thành tựu nhờ vào nghiệp tánh mà nói, nếu căn cứ theo thắng duyên không có cái gì không di chuyển, sau nói Địa trên phân tán thiện từ định giả gọi là bất động. Nay cho rằng không đúng, đâu phải nghiệp của cõi Dục không gặp duyên khác, tuy nhờ vào tánh nghiệp cũng đường khác xứ thọ, nếu như vậy chung bất định, vì sao được có định thọ? Lại nữa, năm đường lẽ ra không phải định dị nhân nếu như vậy vì sao luận Du-già, Tập Tập v.v... đều nói định dị? Tức là đều chỉ cảm được năm đường nhân quả, nếu thừa nhận gặp duyên mới riêng đường thọ, không duyên không khác nhau, cùng với trên khác gì không gọi là bất động. Có giải thích rằng: “Huân tập thiện đồng với địa, nhưng chẳng phải dị quả địa, nên gọi là bất động”.

Yếu Tập ghi: Có giải thích là thắng, nay cho rằng không đúng, đâu phải dục trói buộc nghiệp ở nơi dị giới địa thọ ư, cũng đồng với địa thú bất định nên đồng với bất động. Nếu thừa nhận dị giới thọ, tức là dị địa lậu tùy theo tăng, cùng riêng giới riêng thọ, trái với các Thánh giáo, nên làm không thể được.

Lại nói: Tập Tập sau giải thích chỉ nói Định địa nhiếp nên gọi là bất động nghiệp. Dù định dù tán đều Định địa nhiếp, không thể vận hỏi lời phân tán thiện chẳng phải thiện nên chẳng phải bất động, nay cho rằng không đúng. Nếu thừa nhận tán thiện chẳng phải riêng xứ thọ, tự tánh bất động, vì sao cần phải định nhiếp? Nếu thừa nhận riêng xứ thọ, vì sao được gọi là bất động? Nếu nói vì định bất động, từ định gọi là bất động, cũng lẽ ra định đều gọi là tu tuệ, văn tuệ từ định cũng gọi là tu định, đây đã không như vậy, kia nói rằng vì sao như vậy? Lại thừa nhận tán thiện định địa nhiếp, gọi là bất động, tức là nghiệp của Hữu phú Vô ký, lẽ ra gọi là bất động, vì đồng Địa nhiếp.

Hỏi: Thừa nhận nghiệp Di thực di chuyển dị thọ, vì sao mười nhân lập ra định dị nhân?

Đáp: Chẳng nói các nghiệp đều gọi là định dị đều có thể di chuyển, nhưng căn cứ theo tổng báo định nghiệp giới địa thú dị lập làm định dị, bất định biệt báo thừa nhận di chuyển ở nơi dị thú, mà thọ, đồng địa tổng báo không ngăn ngại dị thọ, như sinh về tịnh cư, nên luận Tập Tập

ghi: “Như trong cõi Dục đường khác viên mãn nghiệp thiện bất thiện, gặp duyên chuyển được, đường khác Dị thực, không nói dẫn nghiệp, lại nghiệp viên mãn đủ được Dị thực có cộng bất cộng, như cánh tay của Lộc vương, ngực của sư tử v.v... là cùng thông với đường thiện, đường ác, dẫn nhục kế cả hai loại trừ lớn thông với đường người, đường trời, lập ra định dị nhân, chuyển đổi thọ nghiệp khác, mỗi mỗi căn cứ theo nghĩa riêng đều không phải tương vi.

Luận: Ba nghĩa của huân tập.

Số có năm môn, nhưng Tây Minh giải thích rằng: “Năm thức nhân v.v... kiến, tướng có thể huân tập cũng gọi là biểu nghĩa, biểu nghĩa là chỗ của Thức thứ sáu dẫn, lại Tướng phần của nhân thức v.v... được huân tập làm ra ba nhân duyên, Thức thứ tám thứ sáu và tự Tướng phần, nay cho rằng không đúng, làm ra hai thức nhân tự và Thức thứ tám, vì sao cũng với Thức thứ sáu làm ra nhân duyên? Tướng phần của Thức thứ sáu tự nó có thể huân tập, nhân v.v... không duyên theo tướng của Thức thứ sáu.

Lại nói tướng của Thức thứ bảy chỉ hiển bày cảnh, từ hiển bày cảnh mà sinh ra, Kiến phần của Thức thứ bảy thể tức là hiển bày cảnh, cũng niệm trước sinh mà gọi là hiển bày cảnh, mà không phải biểu nghĩa, cũng chẳng phải ý thức duyên theo tên gọi dẫn, nay cho rằng giải thích này nghĩa vốn có khác, nương theo Hữu lậu nói nghĩa thì có thể như vậy, danh ngôn của biểu nghĩa được thông với Vô lậu, bình đẳng Thức thứ sáu dẫn đâu không duyên theo tên gọi, thừa nhận tùy theo Thức thứ sáu dẫn, tùy theo duyên vào cảnh nào? Thông cũng là thắng.

Tây Minh nói: Hai chấp hiện tuệ không đều nhau, nên không phải hai tuệ, đoạn có trước sau, vì hay đoạn đạo có sai biệt, một hiện huân tập thành hai loại, nay cho rằng không đúng, nếu vì đoạn có trước sau, một hiện huân tập thành hai loại: Chủng tử, hiện hành tánh tướng đồng, vì sao không sinh ra hai hiện? Lại nữa, hiện hành, chủng tử đều nói đoạn, lại trước tự đoạn, huân tập tuy có ba, tùy theo nghĩa chia làm ba, mà có thể huân tập một, hoặc thành ra một loại, hai chấp hiện một, vì sao huân tập hai? Lại trước tự nói: “Nhân thức đã huân tập Tướng phần tức là sinh ra ba hiện, làm thành một loại làm thành ba loại ư?”

Đáp: Có hai giải thích: một là sinh ra ba, hai là sinh ra một. Dẫn Tam Tạng phán phân một loại là thù thắng, ba thức tức là không phải luôn đồng thời, giới dị hữu vô lại khác nhau, thừa nhận huân tập thành một. Hai chấp đoạn tuy trước sau, nương theo thức giới địa không sai biệt, vì sao liền khiến cho loại riêng? Do đây nên biết, đã có ngã chấp

và Phiền não chướng, nhất định cùng với pháp chấp và Sở tri chướng đồng loại mà sinh ra nhưng có pháp chấp và Sở tri chướng, không cùng với ngã chấp và Sở tri chướng đồng loại, như hàng Nhị thừa, Vô học đã khởi chấp chướng hiện hành huân tập thành chủng tử, còn lại có đồng dị, chuẩn theo loại này mà biết.

Luận: Nói rằng tụng này đã nói v.v...

Hỏi: Tướng kiến v.v... thủ do nghiệp chiêu lấy, nói cùng với thủ đồng thời, nay ba loại huân tập, tập khí của ngã chấp chẳng phải nghiệp chiêu lấy, vì sao nói do tập khí của nghiệp, tập khí của hai thủ đồng thời?

Đáp: Trước nói do nghiệp và tập khí đều có thể sinh hiện quả là thân sơ duyên, nay đây cũng mong nghiệp, tập khí, có hai đều có thể sinh hiện quả, thân sơ sai biệt, không nói nghiệp chiêu lấy tập khí của ngã chấp.

Luận: Trong đây vô minh chỉ chấp lấy hay phát ra chính cảm được nghiệp thiện ác đời sau.

Hỏi: Vì sao luận này vô minh làm hành năng dẫn, năm thức v.v... gọi là sở dẫn, luận Du-già tức là nói vô minh đến thọ đều gọi là Dẫn nhân?

Đáp: Luận này căn cứ theo hành năng dẫn, nghiệp quả chủng tử năm đường, địa vị của vị nhuận phân làm hai dẫn, nghiệp dẫn dắt chủng tử của quả, nên hai loại năng dẫn, năm loại sở dẫn, năng dẫn sở dẫn khác nhau, luận Du-già mong quả, địa vị của nhuận, cách quả còn xa, bảy chi ban đầu chung gọi là dẫn, dị nhuận bảy chi quả gần gọi là sinh, tức là thuộc về hai nhân, khiên dẫn và sinh khởi đã khởi gọi là quả, quả tức là xa gần nhân quả kia, nên nói ở trong pháp hiện tại pháp sau, thức cho đến thọ, đối với địa vị sinh, lão, tử đã nhiếp các chi, nói pháp hiện tại tức là bảy loại trước, pháp sau tức là ba loại sau, hoặc pháp hiện tại tức là mười loại trước, pháp sau là sinh, lão, tử hoặc pháp hiện tại là quả ngày nay, pháp sau là quả, đều hiển bày hai đời sinh, lão, tử chi đều dẫn quả, sinh quả. Hai loại này là quả của dẫn nhân sinh nhân, nghĩa có khác, nên không phải tương vi.

Hỏi: Chính phát ra hành chi chỉ kiến vô minh, phát ra ba thứ nghiệp mỗi mỗi thuộc về tánh nào?

Đáp: Bên ngoài pháp khác sinh ở trong cõi Dục phát ra ba thứ nghiệp, đều là bất thiện, thứ sáu của luận này và luận Tạp Tập đều ghi: “Cõi Dục phân biệt phiền não là bất thiện”. Lại kinh Duyên Khởi quyển hạ ghi: “Bên ngoài pháp khác sinh phi lý, tác ý đã dẫn bốn loại

chuyển khác vô minh, tức là khởi bất cộng, tương ưng, trói buộc và tùy miên của cõi Dục, nên là bất thiện, phát ra sơ thiên hành chi, vô minh cũng là bất thiện là cõi Dục, trở lên các địa phát ra hành vô minh tức là Hữu phú, vì định địa nhiếp”. Bên trong pháp khác sinh nếu là phóng dật phát ra hành vô minh, có thể thông với hai tánh, bất phóng dật là phát ra hành vô minh tức là chỉ Hữu phú.

Hỏi: Căn cứ theo đâu mà được biết?

Đáp: Căn cứ theo kinh Duyên Khởi ghi: “Bên ngoài pháp khác sinh phi lý, tác ý đã dẫn bốn loại chuyển khác vô minh, tức là do phi lý tác ý, dẫn sinh bốn loại vô minh; rõ ràng biết bất thiện, lại do ngoại đạo mê quả của sinh tử chấp làm Niết-bàn, khởi bất động hạnh, đã khởi vô minh cùng với tà hạnh làm chỗ nương mới khởi hạnh kia, nên là bất thiện. Bên trong pháp khác sinh phát ra phi thiên hạnh, cũng chỉ là bất thiện, chẳng phải Hữu phú mê hoặc có thể phát ra nghiệp của phi phước bất thiện”.

Nếu bất phóng dật khởi phi phước nghiệp, tuy là vô minh phát ra không thể làm duyên chiêu lấy ba đường ác, nên chẳng phải vô minh chi, bên trong pháp khác sinh, nếu các phóng dật và bất phóng dật khởi phước bất động, đã có vô minh.

Thứ nhất, Hữu phú, tín là chỗ nương, nên kinh Duyên Khởi quyển thượng ghi: “Nếu do dục ái tạo ra các phước hạnh, tín kia làm chỗ nương bền tạo ra hạnh này, đối với sinh đối với lão khởi định tín, ái này và thủ do tín nhiếp phục, ngã thiết lập làm Hữu phú Vô ký, nên bên trong pháp khác sinh cầu được sinh về đường thiện, tuy không thể rõ được khổ của sinh tử kia, chính là nơi sinh tử khởi định tín”. Lại nữa, cầu được sinh về cõi Tịnh độ biết đủ, cũng là sinh tử, do định tín, nhiếp theo vô minh kia là Hữu phú tánh.

Thứ hai, nếu phóng dật khởi ở nơi phước hạnh, thông với Hữu phú, bất thiện, vô minh được phát ra vì phóng dật sẽ cảm lấy đường ác. Kinh chỉ nói bất phóng dật kia, tạo ra phi phước hạnh, không cảm lấy đường ác, vì sao không khởi bất thiện vô minh, phát ra phước hạnh? Tức là các đường chỉ cần được phước lạc của người, trời, phóng dật khởi bất thiện phát ra nếu cần biết đủ hiếm thấy Phật v.v... tức là Hữu phú phát, giải thích này là thẳng. Nếu bất phóng dật phát ra phước, bất động, lại có hai thuyết.

Thứ ba, Tùy miên chẳng phải hiện hành phát luận Tạp Tập quyển 7 ghi: “Chưa thấy rõ ràng tuy khởi tâm thiện, do tùy miên kia đã đuổi theo nên cũng biết, liền phát ra phước, bất động nghiệp”. Kinh Duyên

Khởi quyển hạ ghi: “Lại bất phóng dật bên trong quả khác sinh, nếu tạo ta phước hạnh và bất động hạnh, kia là chánh pháp như lý tác ý, tương ứng tâm thiện đã dẫn phát”. Giải thoát là nương theo hồi hướng giải thoát mà dẫn phát, tuy ở đường ác cảm lấy sự sai khác thắng sinh, mà chẳng phải vô minh khởi tăng thượng duyên tức là nói: “Tương ứng tâm thiện đã dẫn phát, rõ ràng không phải hiện hành, nhưng nói tuy ở đường thiện cảm lấy sự sai khác thắng sinh, nên do chủng tử phát ra, nếu không như vậy nên chẳng phải thuộc về hành chi”.

Hỏi: Nếu thừa nhận dị sinh chủng tử phát ra nghiệp, vì sao dụng vô minh dưới phát ra địa hành trên?

Đáp: Xu Yếu giải thích rằng, có hiện hành vô minh dưới là nhân khởi, tự mê mờ nghĩa của chân thật, ngu si hiện kiến hữu, ý này do ngu si cầu sinh địa trên nên ngu si phát ra dưới.

Thứ tư, chỉ trừ bất cộng, còn lại vô minh phát, các bất phóng dật và Thánh hữu giáo sẽ khởi ba thứ vô minh, phát ra phi phước hạnh tuy không chiêu lấy quả, chẳng có cái gì không phải vô minh, nên biết khởi phước và bất động hạnh, có hiện phát ra khác, nên duyên khởi trên nói: “Lại có loại nương theo vô hữu ái tạo ra các phước hạnh hoặc bất động hạnh”, cho đến nói: “Lại không biết, chẳng phải đối trị khởi đối trị tướng, tạo ra các phước hạnh hoặc bất động hạnh, do là lý đạo, như là các hạnh, nên biết chỉ dụng vô minh là duyên chẳng phải ái và thủ”. Đây cầu vô hữu nói: “Nương theo vô hữu ái thông với thuyết của ngoại đạo, cầu được Niết-bàn, gọi là nương theo vô hữu ái, tức là bên trong pháp khác sinh, nên khởi hiện ngu si phát ra phước bất động, tức là có hai giải thích, vì sao là thắng?”

Đáp: Căn cứ theo luận Tập Tập nói có tùy miên. Lại kinh Duyên Khởi lấy thuyết của ngoại đạo, từ bất như lý, tác ý sinh ra, do vô minh phát ra, bên trong pháp bất phóng dật phát ra phước, bất động hạnh, như lý tác ý sinh ra, như lý tác ý chẳng phải nhân của vô minh kia sinh khởi, tức là thắng giải trước, nếu chuẩn theo kinh Duyên Khởi do ba vô minh khởi phi phước hạnh, vì sao không được hiện hành phát ra hành? Nếu không khởi vô minh, phát ra hạnh cảm lấy quả, lẽ ra không khởi hiện ái, thủ, nhuận lại kinh Duyên Khởi chỉ nói các bậc Thánh, hữu học, bất cộng vô minh đã vĩnh viễn đoạn, không tạo ra nghiệp mới, không nói dị sinh hữu học ba vô minh khác thủy đều không khởi không tạo ra nghiệp mới; đã có nghiệp do sức tùy miên, chưa vĩnh viễn đoạn diệt, tạm thời xúc trở lại nói ra, chuẩn theo đây sau trội hơn, tức là không phải nhà bình luận nhờ vào ý thủ xả.

Hỏi: Bên trong pháp khác sinh, vì sao gọi là địa vị phóng dật? Chỗ nào là địa vị của phi phóng dật?

Đáp: Không phải văn xét định, hoặc có nói, ở mười tám đã qua, hoặc mười trụ địa vị trực thứ tư, hoặc nói địa vị bốn thiện căn, nay làm hai giải thích:

1. Chỉ căn cứ theo khuyến khích và không khuyến khích, chia làm hai loại khác nhau; vì kinh không định xứ.

2. Địa vị bốn thiện căn, phần nhiều ở môn bên trong, tu bất phóng dật.

Hỏi: Nếu bên trong pháp khác sinh bất phóng dật, cũng tạo ra cảm lấy phước chung, bất động nghiệp, vì sao kinh Duyên Khởi trên ghi: “Do đạo lý này nên biết bên trong các bậc hữu học không duyên theo vô minh lại tạo ra các hạnh?”.

Đáp: Căn cứ không cho bất cộng vô minh là duyên phát ra hạnh. Nói không duyên theo vô minh, lại tạo ra các hạnh, khác với pháp bên ngoài kia đã có dị sinh”. Nên văn kia ghi: “Cho nên chỉ nương theo bên ngoài pháp khác sinh, ngã thuận theo thứ lớp, tạp nhiễm duyên khởi rất viên mãn, chẳng phải ở bên trong pháp”. Hoặc liền nương theo văn, nên biết pháp bên trong các bậc hữu học, đều không tạo hạnh, cùng với tương vi trước. Trước nói bên trong pháp khác sinh, nếu phóng dật là kia trừ một loại bất cộng vô minh, Vô minh còn lại là duyên sinh ra hành. Lại kinh Duyên Khởi, luận Tạp Tập và luận này đều là bậc Thánh không tạo ra nghiệp mới, không nói các bậc hữu học đều không tạo ra nghiệp mới. Nhưng Yếu Tập ghi: “Nhiếp luận quyển 8 của Vô Tánh ghi: “Do gia hạnh chứng đắc”, nghĩa là có thể cảm lấy nghĩa của quả Dị thực, chẳng phải nhân Dị thực, có thể đối trị kia, tức là tăng thượng quả giả gọi là Dị thực, do đây nên biết bên trong pháp khác sinh, không tạo ra tổng nghiệp là không như vậy. Văn của Nhiếp luận kia, căn cứ theo Kiến đạo trước sau tu Vô phân biệt trí không nói còn lại đã tu thiện, đều là tăng thượng giả gọi là Dị thực, nên không phải là chứng cố.

Hỏi: Bốn vô minh vì sao là phải?

Đáp: Ý của kinh kia dùng chủng tử hiện hành, tương đối lập để trói buộc phiền não, câu trong trói buộc không phải câu hành, đối lập làm tương ứng, bất cộng. Nên kinh Duyên Khởi ghi: “Trói buộc vô minh còn vi tế, hưởng gì có tùy miên, tương ứng vô minh còn vi tế, hưởng gì bất cộng vô minh”, nên nương theo hai đối, lập ra bốn vô minh, tức là các chủng tử gọi là tùy miên, hiện hành chia làm hai, cùng với căn bản hoặc đều gọi là tương ứng, không phải cùng với bản câu gọi là bất cộng.

Nhưng phần nhiều nói là chủ độc hành mê lý của nhân quả, hành tướng vì tế, không đồng với phi chủ độc hành vô minh.

Hỏi: Đã phát hành chi tức là ba thứ nghiệp, nghiệp có ba, tư, thân, ngữ, chỉ động phát, ý có thể thông với ba nghiệp, làm ra động ý, cũng có động phát, nhưng phước, bất động nhất định chẳng phải si đồng thời, vì là thiện chuẩn theo đây chỉ có xa duyên dẫn khởi, không rõ được nên khổ mà vui vẻ cầu v.v... chỉ Kiến đạo hoặc tức là chỉ chánh phát không phải trợ phát.

Đáp: Cùng với kiến hoặc, trước sau mà sinh có giúp đỡ không ngăn ngại.

Hỏi: Bên ngoài pháp khác sinh phát ra phước, bất động, vô minh đồng thời tư, có bất thiện này, vì sao chẳng phải hành chi?

Đáp: Luận kia không phải gia hạnh, chẳng phải nghĩa tư cũ, nên chẳng phải hành chi. Sau chánh khởi tức là do tư cũ, tư đã khởi nghiệp, nên làm hành chi.

Hỏi: Phước, bất động hạnh tức là chẳng phải ngu si đồng thời, vì sao luận này hợp với luận Tập Tập nói vô minh cùng với hành làm nhân duyên, nương theo vô minh đồng thời tập khí của nghiệp mà nói, vô minh đồng thời, giả nói vô minh thật là hành loại?

Đáp: Đây cũng không trái. Nói vô minh đều gọi là tập khí của nghiệp trong nhân nói quả, nên khởi hiện tư làm hành chi. Lại căn cứ theo bất thiện, chẳng phải phước, bất động.

Hỏi: Chẳng phải phước bất động thiện, chánh kiến hoặc phát, chính là khởi hành thời cùng với hoặc nào đồng thời? Nếu cùng kiến hoặc đồng thời, sẽ phát trở lại, nếu cùng với tu hoặc đồng thời, mặc tình chẳng phải mạnh mẽ lợi ích?

Đáp: Cả hai đều không lỗi, giả sử cùng với kiến hoặc đồng thời cũng chẳng phải phát lại, nếu cùng với tu hoặc đồng thời, do kiến hoặc dẫn dắt cùng với tâm v.v... đồng thời, nên thành lập bất thiện.

Hỏi: Thể của danh sắc chi do nhiếp sáu thức, trong thể của sáu xứ lấy gì làm ý?

Đáp: Trong Sở giải thích: “Nếu có Dị thực ở đời quá khứ nói là ý”, đây căn cứ theo một ý, hai đời phân biệt tức là nghĩa nói riêng, nếu như vậy sẽ giả như kiến tuệ v.v...?

Giải thích rằng: Thừa nhận giả lỗi gì.

Hỏi: Có trái với lỗi sau, môn giả thật sau nói, danh sắc, sáu xứ đều là thật chẳng?

Giải thích rằng: Căn cứ theo phần nhiều mà nói, như trong hành

chi cũng giả nói sắc, trong môn giả thật cũng nói thật, nay giúp một giải, như danh sắc chi, sắc trừ năm căn, ở trong tên gọi trừ thức thì lỗi gì, chỉ có tướng hành cũng được làm tên gọi, chẳng giả chẳng lẫn lộn.

Luận: Do thức này v.v... cũng nói hiện hành.

Tây Minh ban đầu nói: “Tướng từ giả nói, mười hai hữu chi, đều thông với chủng tử, hiện hành”. Nói hữu chi thông với hiện hành, trừ luận nghiệp hành, giả nói hữu chi do kia huân tập thành có chủng tử, nay cho rằng không đúng. Thức v.v... đều hữu chi hiện hành, không căn cứ theo lời mà nói, căn cứ đang sinh mà nói, nên biết hữu chi, căn cứ theo đang khởi mà nói vì chủng tử của năm quả nhuận làm hữu chi đồng với hành chi, vì sao không căn cứ theo quả khứ để bỏ luận? Nếu nói mong sinh, lão, tử chỉ năm thức v.v... không thông với hành. Lại luận về nghiệp hành, cũng chỉ hành chi không phải năm quả hiện hành. Lại luận này ghi: “Nên mong đang sinh hiện khởi, giả nói đối với lý là thắng”, nên luận Thập Địa ghi: “Mười hai chi đều có tử thời, quả thời, tử nghĩa là địa vị của chủng tử, quả tức là hiện hành”. Kinh Duyên Khởi và luận này đều đồng.

Luận: Lại do thuyết này sinh dẫn đồng thời v.v... có bốn giải thích:

1. Chi của sinh dẫn v.v... thời của vị nhuận, không cùng với sinh chi đồng thời, nếu nhuận trở về sau chỉ gọi là hữu chi, nên tên gọi không đồng giải thích này chỉ nhuận, vị nhuận không đồng thời, không giải thích được sinh, dẫn đồng thời.

2. Tuy nói rằng nhuận vị nhuận thời không đồng thời, thời của chánh nhuận sinh dẫn được đồng thời, giải thích này tuy tự thuận theo văn chưa khế hợp, lại do thuyết này, tức là chỉ từ trước, nương theo đang hiện khởi cũng trái với kinh Thập Địa tử, quả đồng thời.

3. Ở trong hiện tại địa vị của sinh dẫn hai chi, có năm thức v.v... của đương lai chủng tử của quả, làm sở dẫn chi của đương lai, cùng với sinh, lão hiện tại đồng thời mà có. Sinh, lão chi này là ái sở sinh, thủ của quả khứ, nên gọi là sinh, dẫn đồng thời. Cách giải thích trên đây đều không chính xác.

4. Nhuận, vị nhuận thời, nhất định là không đồng thời, được nhuận đã qua chính sinh ra hiện thời, quả nhân đồng thời, tức là sinh lão này, mong, ái, thủ, hữu, là sở sinh tức là địa vị của sinh lão này. Chủng tử của thức v.v... mong vô minh, hành chi trước là sở dẫn kia, thời của vị nhuận ắt sẽ không được đồng thời, ái nhuận đã qua, tức được là đồng thời, gọi là sinh, dẫn đồng thời, đây đồng với Sở.

Tây Minh giải thích đồng với cách thứ ba, không thuận theo kinh

luận. Luận này nói nương theo đang hiện khởi nói có trước sau, do thức v.v... này cũng nói hiện hành, nhân thời nhất định không hiện hành nghĩa, nên lại do đây nói sinh, dẫn đồng thời, tức là nói rằng lại do đây nói, tức là do trước nói hiện khởi thứ lớp, căn cứ theo một lớp này cũng chưa có thể giải thích được duyên khởi của hai lớp.

Lại kinh Duyên Khởi ghi: “Nếu dẫn nếu sinh làm một thời khởi, làm thứ lớp khởi”. Thế Tôn bảo rằng: “Một thời mà khởi thứ lớp tuyên nói?. Nếu một thời khởi, vì sao là nhân duyên? Trước nói dẫn, sau nói sinh.

Thế Tôn bảo rằng: “Phải do có dẫn sau có phương hướng sinh, chẳng có cái gì không dẫn”, nếu căn cứ theo sinh, lão của hiện tại, tức là do sinh rồi mới tạo ra nghiệp của đấng lai, dẫn dắt năm thức v.v..., tức là có sinh rồi mới bắt đầu có dẫn, vì sao được nói rằng phải có phương hướng sinh chẳng có cái gì không dẫn?

Luận: Lại nương theo mê bên ngoài tăng thượng quả ngu si v.v...

Hỏi: Căn cứ theo văn của luận này, do gặp cảnh của mê khởi thọ sinh, ái. Chuẩn theo luận Du-già quyển 9 ghi: “Lại do cảnh giới thứ hai sở sinh thọ, ái ngu, khởi duyên theo cảnh giới thọ, ái, ngu duyên theo thọ sinh, vì sao hợp với giải thích?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Do vô minh là trước không rõ được cảnh bên ngoài tăng thượng quả, nên phát ra khởi nơi thọ, thọ là duyên sinh ra ái, chẳng phải duyên theo thọ khởi ngu, nhưng nói cảnh giới đã sinh thọ quả ngu, do ngu là nhân của cảnh giới quả thọ kia. Luận nói do cảnh giới thứ hai đã sinh ra thọ quả ngu, khởi duyên theo cảnh giới thọ ái, không nói cảnh giới ngu ái, nên quyển 4 trước ghi: “Chỉ vô minh thọ là duyên sinh ra ái, đây chẳng phải thọ chi”.

2. Do cảnh giới thứ hai đã sinh ra thọ, mê mờ tăng thượng quả ngu si, ý nói cảnh giới này đã sinh ra thọ, là mê mờ bên ngoài tăng thượng quả, chỗ sinh của ngu si, tức là nói thọ này do hai sức cảnh và ngu được sinh ra tức là do cảnh giới thứ hai, đã sinh ra thọ, nhờ vào cảnh đã sinh. Lại chấp lấy chữ thọ nói thọ quả ngu, tức là nhờ vào ngu khởi nêu quả hiển bày nhân. Nói cảnh giới thứ hai đã sinh thọ quả ngu, lẽ ra nói mê mờ cảnh giới bên ngoài tăng thượng quả, ngu là duyên khởi thọ. Thọ quả bên ngoài kia mới khởi ái thủ. Trước nói thọ hai loại nghiệp quả trước, nghĩa là thọ quả Dị thực bên trong và cảnh giới đã sinh, thọ tăng thượng quả. Ý đây nói cảnh giới đã sinh thọ, thọ tăng thượng quả bên ngoài, không được nói quả của cảnh là thọ. Luận ghi: “Thọ hai loại

nghiệp quả trước”. Lại quyển 93 ghi: “Lại do cảnh giới thứ hai đã sinh tăng thượng quả ngu, duyên theo cảnh giới thọ, phát ra sinh tham ái, đây tức là nói thắng”. Tây Minh có hai giải thích:

1. Mê mờ thọ sinh ra ngu, thọ này là cảnh giới tăng thượng quả bên ngoài, tức luận này nói “Tăng thượng quả ngu bên ngoài, nên không phải tương vi”.

2. Mê mờ cảnh giới sinh ra ngu, tức luận Du-già nói cảnh giới đã sinh thọ quả ngu.

Yếu Tập ghi: “Giải thích sau là thắng”, nay cho rằng đều là trái, vì sao giải thích ban đầu nói thọ là cảnh giới tăng thượng quả bên ngoài? Nếu như vậy, nói thọ hai loại nghiệp quả trước. Sau giải thích rằng: “Cảnh giới là thọ tăng thượng quả, cũng trái với căn trước, hai loại nghiệp quả trước”. Lại cảnh giới là thọ Sở duyên duyên, tức là lẽ ra thọ là quả, vì sao nói sở duyên, trở lại cho là quả?

Hỏi: Đây nói mê mờ Dị thực bên trong, đồng bao hàm thế tục, thắng nghĩa, chưa biết mê mờ thế tục, thắng nghĩa nào?

Đáp: Một là mê mờ thế tục thứ hai.

Hỏi: Nếu như vậy duyên theo sự nên chẳng phải kiến hoặc?

Đáp: Kiến thủ, giới cấm thủ v.v... tuy duyên theo sự sinh, thì ngại gì kiến hoặc. Hai là mê mờ khổ của đường ác, làm tục ngu, mê mờ khổ của người trời làm thắng nghĩa, giải thích này là chính, nhưng đều thuộc về Đế. Nhưng luận Tập Tập quyển 7 ghi: “Ngu si là nghĩa Dị thực chân thật bên trong”, nghĩa chân thật tức là bốn Thánh đế, nhưng mê mờ thế tục được chung tên. Nói Dị thực bên trong, mê mờ chân thật là vi tế, nên nói Chân nghĩa tức là bốn Thánh đế. Căn cứ theo bốn Thánh đế cũng nhiếp Dị thực bên trong, Dị thực bên trong cũng nhiếp nghĩa chân thật, hỗ tương nêu nghĩa chung.

Luận: Bắt đầu từ Trung hữu đến bản hữu v.v...

Hỏi: Từ địa vị Trung hữu tức gọi là sinh chi. Ở trong Trung hữu cũng có thừa nhận lão, vì sao chẳng phải lão tử?

Tây Minh nói: Là sinh phương tiện sáu thức khó dứt có Thức thứ tám, nên chẳng phải lão tử. Nay giải thích có lão chẳng gọi là lão tử chi, vì là thuộc về phương tiện của thú sinh, nên chưa gọi là lão tử.

Luận: Nhưng như luận kia chấp nhất định có chủng tử.

Hỏi: Ái trước tăng gọi là thủ, ái, thủ đồng thời chủng tử vì sao nói tăng?

Đáp: Căn cứ theo lúc huân tập chủng tử hiện hành xưa mà nói.

Luận: Sinh đường ác đối với cảnh của ngã hiện hành, cũng có

ái.

Tây Minh cự sở ghi: Duyên khởi đã sinh về đường ác, nói không khởi ái, kinh Quán Phật Tam-muội căn cứ theo sẽ sinh mà nói, chuẩn theo đây hợp với giải thích, không hợp với văn của kinh. Văn nói rằng theo không có mong cầu, tức là căn cứ theo chưa sinh mà nói không có, không đứng về đã sinh. Nay chuẩn theo Yếu Tập ghi: “Có hai giải thích:

1. Giải thích đồng với Sở, sau giải thích rằng: Đây căn cứ theo cõi Dục cuối cùng sinh về đường ác mà nói, nếu cõi trên mạng chung sinh về đường ác, nếu khởi cõi Dục ái, có lỗi duyên trên, nếu cõi trên ái chẳng phải tự Địa duyên.

2. Sinh về đường ác rồi, đối với tự chân ngã thật có ái sinh tức là do lý này chứng được ái biến hữu, chẳng phải nhuận sinh này.

Tuy có hai giải thích, giải thích sau là chính. Nay cho rằng giải thích trước thừa nhận ái duyên trên, cũng không có lỗi. Như quyển 6 trước ghi: “Cầu địa trên sinh vị định trên, thừa nhận ái duyên trên”. Giả sử nói nhuận sinh không được duyên trên, theo không phải riêng duyên, chung duyên lỗi gì? Nếu nói sinh rồi mới bắt đầu khởi ái, trái với cách thứ ba trước, ở nơi năm thủ uẩn chẳng phải ái trước xứ, nghĩa là sinh về chỗ ác, niệm ngã lúc nào sẽ bỏ được mạng này, đây là khổ thân tâm, vì sao khởi ái căn cứ theo thật sinh rồi, cũng thừa nhận khởi ái, chẳng phải ắt sẽ ái kia. Quyển 5, quyển 6 trước dẫn Đại luận, nói không thông với tất cả thức thân, ý địa tất cả căn tương ứng, nhưng tranh luận nhuận sinh, nó chẳng phải tranh luận.

Tây Minh lại nói: Nếu như vậy hai thuyết trong luận đều không phải đường ác nhuận ái, lẽ ra chỉ là loại nhuận. Giải thích rằng do nghiệp lực nên ở trong chỗ lạnh nóng có thể tương của ái sinh, như kinh Quán Phật Tam-muội nói, nay hỏi lời này đối với cõi Dục có thể như vậy, cõi trên sinh về dưới khởi ái, vì sao chẳng ở cõi trên có tương của lạnh nóng v.v...? Nên do đây tức là hiển bày nhuận sinh khởi ái dẫn dắt sinh về đường ác, ở nơi cảnh của ngã hiện tại, rõ ràng là muốn sinh, chẳng phải sinh về cõi kia rồi mới bản chất khởi ái, nên giải thích trước thù thắng.

Luận: Như vô minh dưới phát địa hành trên.

Hỏi: Kinh Duyên Khởi ghi: “Vì sao không nói ái, thủ và hành là duyên?” Thế Tôn bảo rằng: “Hai loại ác, thủ, tự giới được hành, cho đến ái thủ cùng với cõi Sắc, cõi Vô sắc kia, các bất động hành, làm đẳng khởi duyên không đúng với đạo lý, vì chẳng phải cảnh giới”, chuẩn theo đây ái thủ chỉ tự cảnh giới duyên, trên chẳng phải cảnh giới, vì sao quyển 6

ghi: “Mong cầu địa trên sinh vị định trên” nên ái cũng duyên theo trên?

Đáp: Kinh căn cứ theo phần nhiều chưa được định, luận căn cứ theo được định phần ít duyên trên nên không phải tương vi. Lại nữa ý kinh tuy ái, thủ duyên, phải do vô minh không rõ được khổ kia mới khởi ái thủ, nên vô minh phát, chẳng phải ái thủ phát, tuy lúc tác ý như lý tương ứng, không khởi vô minh vì do có chủng tử kia sức của vô minh, khiến cho đây không rõ cõi trên là khổ tạo ra bất động v.v... nên vô minh phát. Như Nhị thừa Hữu lậu tâm thiện không rõ được cảnh, nói do sức tập khí của vô minh, đây cũng như vậy.

Hỏi: Tức là có chủng tử của địa trên vô minh v.v... không thừa nhận phát ra hành, rõ ràng bên trong pháp khác sinh bất phóng dật, tạo ra phước, bất động, dụng tùy miên phát, cũng chẳng phải hành chi, đồng với chủng tử kia chẳng?

Đáp: Không lệ thuộc, như cận phần định sát-na ban đầu suy nghĩ là địa hành trên, lúc mới khởi không do tâm trên không rõ mới khởi, nên do địa trên vô minh được phát. Nếu ở cõi Dục là mong cầu thiện quả, khởi tạo ra phước nghiệp, tức là do không rõ là khổ mới mong cầu tức là cùng như lý tác ý tương ứng, rõ ràng chẳng phải hiện ngu có thể phát ra hành chi. Nếu tư của cận phần định tương ứng, không cảm được căn bản tổng báo quả, có thể gần phần tâm là mong cầu thượng sinh. Tu tập căn bản định, do chủng tử kia phát, tức là luận dưới nói là khổ thô v.v... sáu loại hành tướng, có mong cầu thượng sinh mà khởi kia nên gần phần định nói làm hành chi, rõ ràng do dưới phát.

Hỏi: Hành chi là tư, vì sao dưới nói Địa trên hành chi đều hàng phục địa dưới, tức là khổ thô v.v... sáu loại hành tướng, sáu loại hành tướng là tuệ hành?

Đáp: Tư của tuệ đồng thời, cũng gọi là hành tướng, là hành lỗi gì?

Luận: Mười hai chi này mười nhân hai quả v.v...

Theo luận Du-già quyển 9 chia làm ba khoảng, nghĩa là đầu, giữa, sau, do đời bảy loại trước có ái, thủ, hữu; do đời ba loại này có hiện sinh, lão, tử. Đây tuy hai đời, căn cứ theo hậu báo nghiệp tạo nhuần, lúc đắc quả ba đời khác nhau, chia làm đầu, giữa, sau. Đứng về thật nghĩa trở lại quá khứ mười chi nhân, có hiện hai chi quả, nghĩa là sinh, lão, tử. Do nay sinh lão mong sau lại khởi vô minh, hành v.v... tức gọi là khoảng giữa, vì đời sinh v.v... khởi vô minh v.v... nên gọi là khoảng sau tức là hai lớp, chẳng đồng với Hữu bộ.

Luận: Chín thật ba giả v.v...

Hỏi: Căn cứ vào đâu gọi là giả?

Đáp: Sở giải thích hiển bày địa vị của ba tướng sinh, dị, diệt khác nhau, gọi là sinh, lão, tử, thể tức là thức v.v... nên hữu, sinh, lão tử ba thứ là giả, nó không có tự thể, vì nắm lấy Y tha, không căn cứ theo nhiều pháp gọi nó không phải giả. Danh sắc, sáu xứ cũng nhiều pháp, cũng không đặc thật tánh, nói rõ giả thật. Hành chi chẳng phải một, thông với giả thân ngữ tên gọi là hành, không thể nói tư có ba chẳng phải một, chẳng căn cứ theo sắc thanh, cũng lẽ ra vô minh, xúc, thọ và ái đều chẳng phải một việc, đều có nhiều. Tuy sáu xúc thọ và bốn ái v.v... không gọi là đa sự, nên sắc, thanh, tư đa sự là hành, nên biết hữu chi không phải tự thể tức là đã nhuận sáu chi, sinh, lão, tử chi, tức là thức v.v... trước. Địa vị của ba tướng, riêng lại không phải thể khác, nên gọi là giả.

Tây Minh có ba giải thích:

1. Thức v.v... nhiều pháp lập ra ba nương theo đời sau v.v...
2. Năm thức v.v... pháp tùy theo tên gọi nêu ra thể, ở bất tương ứng.
3. Hợp với hai thuyết trước, nên gọi là giả.

Nay cho rằng không đúng, nếu nhiều pháp lập ra nói có gọi là giả, danh sắc đều đồng, nếu nương theo đương lai sinh, luận không nên nói địa vị của ba tướng khác nhau, sinh, dị, diệt tướng chẳng phải vị lai, sinh, lão chi chẳng phải bất tương ứng. Lại nói hoặc có thể được, thể không khác nên nói là giả. Đây đồng với Sở giải thích, nên có thể là chính. Yếu Tập tuy phần nhiều nói tự làm ra hỏi đáp, tướng của ái thủ lệ thuộc nhau, trở lại nói ái, thủ thể, dụng đều khác nhau, hành v.v... dụng khác thể đồng. Chuẩn theo đây tức là nói dụng khác thể đồng gọi là hữu, nên là giả. Đây tức là nhân trước, đâu cần lao nhọc nêu riêng.

Luận: Tạt tu Tĩnh lực tư dưới nên nghiệp v.v...

Căn cứ theo luận Câu-xá, trước sau đều một sát-na Vô lậu, trung gian sát-na khởi Hữu lậu định, Tĩnh lực thứ tư, ba tâm thành viên mãn, kế tiệm tu tam thiền đều có ba, Đại thừa ít khác, vả lại luận về tạt tu, tổng có năm loại:

1. Thuần Hữu lậu định huân tu, nghĩa là sinh ra Tứ thiền, trừ Ngũ tịnh cư.
2. Thuần Vô lậu định huân tu, từ Địa thứ tám trở xuống thọ biến dịch sinh, Hữu lậu định hết.
3. Lậu Vô lậu tạt tu, tức là định đặc được tự tại, vì thọ quả Đẳng chí tự tại tức là hiện pháp lạc trụ, đều sinh về Tịnh cư v.v...

4. Hữu lậu định tán tạo huân tu, nghĩa là A-la-hán xả phước, mạng hạnh, giúp mạng, phước quả.

5. Vô lậu định tán tạp huân tu, nghĩa là Nhi thừa và Địa thứ bảy về trước Bồ-tát biến dịch sinh tử, đây giúp đỡ nghiệp cũ sinh về Tịnh cư, thuộc về thứ ba.

Nhưng tạp tu này Hữu lậu làm hai bên, Vô lậu một sát-na ở trong, gọi là tu thành viên mãn, như Ngũ tịnh cư nghiệp khác sinh thân tạo ra chủng tử ở trong thân, mặc tình chỉ có thể cảm được Thiên xứ dưới, do khởi ít trông mong huân tu thành viên mãn, định lực của Vô lậu, đổi chuyển giúp cho chủng tử cảm sinh nghiệp khiến cho thế lực thù thắng. Sinh về Ngũ tịnh cư, nên chẳng phải Hữu lậu làm trung gian vì sức nó kém, sát-na ban đầu Hữu lậu làm gia hạnh, hàng phục trừ định chướng, kế niệm Vô lậu làm Vô gián đạo, chính trừ định chướng, một niệm sau Hữu lậu làm Giải thoát đạo, nên huân tu viên mãn. Nếu lấy Hữu lậu làm trung gian, Vô lậu làm trước sau, đâu lấy Vô lậu làm gia hạnh, Hữu lậu làm Vô gián đạo ư? Giải thoát sau cuối làm năng tư, tướng sở tư thuận mới có thể sinh ra quả. Lại tạp tu ban đầu này ở nơi ba châu của cõi người, vì tu diệt định ban đầu chỉ ở cõi người hoặc thông với Lục thiên, đều nhập vào kiến, nhưng không trải qua sinh mới tạp tu sinh, thông với lợi thuận căn, thuận căn có thoái, sinh ra thiên định dưới, lại khởi mới sinh.

Luận: Lại nói toàn giới tất cả phiền não v.v...

Hỏi: Chánh vô minh chi chỉ Kiến đạo đoạn, trợ là thông với tu, đường thiện đường ác đồng nhau, vì sao nói đến đường ác? Hành chỉ phân biệt khởi, đâu phải đường thiện tổng nghiệp mặc tình có thể phát ư?

Đáp: Đến đường ác tổng báo nghiệp, chánh trợ chỉ phân biệt phát ra, tổng báo của trời người mặc tình cũng trợ, do đây có thể phát ra đường ác hành là nói chỉ phân biệt. Cho nên quyển 59 ghi: “Nếu các phiền não nhanh mạnh hiện hành mới có thể phát khởi đến nghiệp đường ác, chẳng phải các thất niệm mà hiện hành, lại phân biệt khởi có thể phát ra nghiệp này, chẳng phải mặc tình khởi”.

Hỏi: Nếu thừa nhận tu hoặc giúp phát ra tổng báo, đây vì sao lựa ra? Nếu như vậy vì sao nói toàn phiền não đều có thể phát ra nghiệp?

Đáp: Căn cứ theo trời và người mà nói, nếu nẻo ác hành chỉ phân biệt phát ra nên nói duy chỉ. Lại chính là cảm được nghiệp của nẻo ác biệt báo, cũng phân biệt phát ra, tự tánh chỉ có thể giúp phát ra biệt nghiệp nên nói duy chỉ. Nếu như vậy sinh về đường ác rồi, đâu không thể tạo ra

biệt báo biệt nghiệp ư? Nếu không tạo ra, vì sao quyển 3 nói A-lại-da thức tùy theo nghiệp trước chuyển? Sáu thức nhãn v.v... tùy theo hiện duyên pháp. Nếu nói rằng trước tạo nghiệp cảm đợi hiện duyên pháp, nếu như vậy tức là không phải thuận theo hiện thọ nghiệp, đều trước tạo ra. Nếu nói chỉ tạo ra ở trời người đường ác không thể được, đây có lỗi gì? Nếu như vậy rồng quỷ không được cúng dường, ban đầu xuất từ định, Kiến đạo v.v... ư? Nếu thừa nhận đúng, chuẩn theo đây cũng có thể chánh tạo cảm được nẻo ác biệt báo kia, đây cũng không như vậy. Nghiệp cúng dường này đã cảm được thiên báo là quả của trời người, chẳng phải quả báo của đường ác, nếu như vậy ở nơi ngục tốt v.v... khởi đường ác bị tổn hại, đâu chẳng phải biệt báo? Chuẩn theo đây nên biết tức là có lý này thủ xả mặc tình.

Luận: Hai chi ái thủ chánh nhuận sinh v.v...

Hỏi: Tuy biết câu sinh mà làm chánh nhuận, bốn loại ái thủ chánh trợ thì thế nào?

Đáp: Vả lại bốn loại ái đều thông với hai đoạn, như quyển 55 vì căn cứ theo Tập đế nói bốn hành tướng đối trị bốn loại ái, tức là kiến đoạn, vì nêu ra nương theo thường lạc tịnh ngã mà sinh. Lại quyển 55 ghi: “Ái như thế nào? Nghĩa là đối với tự thể rất thân mật chứa đựng giữ gìn. Hậu hữu ái như thế nào? Nghĩa là cầu đương lai tự thể sai biệt. Hỷ, tham đồng thời ái nghĩa là ở hiện tiền hoặc ở vị lai được có thể ái sắc v.v... khởi tham chấp trước ái. Mỗi mỗi đều mong lạc nghĩa là ở chỗ khác có thể ưa sắc v.v... khởi mong cầu ái”. Quyển 67 giải thích ý cũng rất đồng, chuẩn theo đây thông với tu. Ở trong bốn thủ, ở dục cảnh thủ và ngã ngữ thủ đều thông với tu đoạn; ở kiến thủ, giới cấm thủ chỉ có Kiến đạo đoạn, nhưng chỗ khác nói bốn thủ kiến đoạn, nương theo một tướng mà nói. Căn cứ theo thật cũng thông, nên trong luận này hai sư đều thừa nhận thông với Tu đạo đoạn, trợ chánh nhuận sinh chuẩn theo đây có thể biết.

Hỏi: Thể của thủ như thế nào?

Đáp: Quyển 87 nói bốn thủ chỉ là tham. Luận kia ghi: “Lại có bốn thủ, nghĩa là ở dục, kiến, giới cấm, ngã ngữ đã có tham dục”. Luận Dugia quyển 14 thủ cũng đồng, nhưng quyển 93 nói lại chấp lấy dục thủ, hoặc chấp lấy kiến, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ chấp lấy các thủ rồi ái thủ hòa hợp, nhuận dẫn nhân trước chuyển gọi là hữu, đều nói chấp lấy bốn sở thủ kia. Ý chấp lấy năm thủ, tức là tham, quyển 89 thông với năng thủ sở thủ đều là thủ chi. Cho nên luận kia ghi: “Dù sở thủ, dù năng thủ, dù sở vi thủ, đều gọi là thủ”.

Hỏi: Thế nào là sở thủ?

Đáp: Dục, kiến, giới cấm, ngã ngữ là sở thủ.

Hỏi: Thế nào là năng thủ?

Đáp: Bốn loại tham dục.

Hỏi: Thế nào sở vi thủ?

Đáp: Vì đắc được các dục và làm thọ dụng, nên khởi thủ ban đầu, là tham lợi dưỡng v.v... vì sức tăng thượng nên khởi thủ thứ hai, Xa-ma-tha là chỗ nương là đến lìa dục khởi thủ thứ ba, vì muốn tùy theo lời phân biệt sở chấp tác nghiệp, thọ quả, tướng của sĩ phu, khởi ngã ngữ thủ, ý này do muốn được thọ dụng sáu trần cảnh, cho nên khởi tham cho đến vì muốn rõ biết sở chấp, tác nghiệp thọ quả khởi ngã ngữ thủ.

Hỏi: Nếu cảnh của sở thủ tức là thuộc về sở thủ, nếu có thể nhiếp ái tức là thuộc về năng thủ. Thế nào là sở vi?

Đáp: Hai loại trước nói riêng, một loại sau là nói chung, hoặc sở thủ trước và lại đối với tâm, sở vi sau là thủ, căn cứ do đối với nó có tướng vui mới khởi tham dục gọi là sở vi. Điều này phần nhiều khác nhau, nên luận kia ghi: “Như vậy bốn thủ nương theo hai phẩm thủ”, nghĩa là phẩm tại gia khởi ban đầu một, phẩm xuất gia khởi sau ba, nên là khác nhau. Nếu là câu sinh vì sao chia làm hai phẩm? Lại bốn thủ này loại đầu chỉ ở cõi Dục còn lại thông với ba cõi, nên luận Du-già quyển 4 ghi: “Loại đầu chỉ có thể sinh về khổ quả của cõi Dục, ba loại còn lại đồng sinh về khổ quả ba cõi”, tức là do đây nói chướng thọ được tăng thượng quả bên ngoài, là duyên khởi ái, có thể nhuần sinh. Căn cứ theo cõi Dục mà nói, trong hai cõi trên lìa cảnh tham.

Lại giải thích bốn ái nêu cảnh rõ ràng, cũng căn cứ theo cõi Dục, nếu như vậy vì sao ái nhuần Địa trên sinh?

Đáp: Tuy chưa thấy văn, chuẩn theo chấp thường ngã có thể thông với kiến, tu tức là sau hữu ái và do độc ái nhuần ba cõi sinh, hoặc tham hỷ đồng thời, mỗi mỗi mong lạc. Tuy nêu sáu cảnh, thật thông với thân bên trong, nương theo thân bên trong mà khởi, bốn loại đều thông với nhuần.

Hỏi: Bên trong pháp khác sinh không mong hậu hữu, lúc mạng chung đã khởi phiền não là thủ chi?

Đáp: Cũng là thủ chi.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao quyển 49 ghi: “Ngã làm các thủ” đủ biết vĩnh viễn đoạn các sư chánh luận, nên ở pháp này, thề nguyện tu hành, tuy mang theo phiền não, thân hoại diệt mạng chung mà không đối với nó kiến lập các thủ. Vì sao họ ở nơi các dục không lưu luyến mà xuất

gia?

Đáp: Căn cứ theo phân biệt khởi, không chướng ngại đều sinh, như bên trong sinh khác, không phải bất cộng, tuy khởi hành mà nói không nói vô minh là duyên, chẳng không phải ngu khác; đây không gọi là thủ nên biết cũng như vậy, không trở lại Bất hoàn, chỉ chủng tử nhuận nên không gọi là ái thủ.

Luận: Mười lục xả câu thọ không cùng thọ tương ứng v.v...

Hỏi: Nếu căn cứ theo địa vị chủng tử, hiện thọ và chủng tử, vì sao chẳng phải thọ đồng thời? Nếu căn cứ theo đương khởi, thức và danh sắc, sáu thức chưa khởi vì sao có lạc, xả?

Đáp: Sở nói rằng địa vị sinh chi này rộng, nên cùng với lạc xả đồng thời, nghĩa là từ Trung hữu đến trong Bản hữu chưa suy biến đến đều sinh chi. Căn cứ theo trong địa vị sinh chi này, thức, danh sắc v.v... chẳng căn cứ theo sát-na gọi là thức chi, địa vị được cùng với thọ đồng thời. Theo luận Thập Địa thì tử, quả thời nghĩa, vì sinh chi đó là quả của chủng tử trước, vì chủng tử từ hiện nói được thuyết nên không trái.

Hai loại sinh tử lược làm tám môn phân biệt: Một là nêu thể; hai là giải thích tên; ba là nói rõ tướng trạng; bốn là địa vị thứ lớp; năm là căn cứ theo xứ sở; sáu là cùng với bốn loại sinh tử nhiếp nhau; bảy là hợp với ba, sinh tử không đồng; tám là hỏi đáp biện luận.

1. Nêu thể: Nghĩa là hai loại sinh tử chính chấp lấy thức Dị thực thức tám làm thể, gồm thông với Dị thực năm uẩn thức khác. Vả lại phần đoạn sinh chấp lấy danh ngôn, huân tập năm loại thức v.v... mà làm thân nhân. Ba nghiệp phước, phi phước, bất động làm tăng tăng thượng có thể chiêu cảm duyên, tất cả phiền não đều có thể làm phát nghiệp, duyên của nhuận sinh, do nương theo duyên khác mà được sinh. Kinh Thắng Man, kinh Vô Thượng Y, luận Thật Tánh v.v... đều ẩn thức, vì danh ngôn gần gũi chủng tử, chỉ hiển bày nghiệp tăng thượng, gọi là nhân. Phát ra nghiệp nhuần sinh cảm gọi là duyên. Nên kinh Thắng Man ghi: “Như thủ là duyên Hữu lậu nghiệp nhân mà sinh ra ba hữu”, biến dịch sinh tử tức là thức trước v.v... chủng tử của năm quả đều là biến dịch sinh tử tức là thức trước v.v... chủng tử của năm quả đều là thân nhân. Phước nghiệp của cõi Dục đều là sắc bất động, trừ Vô tướng thiên và Ngũ tịnh cư làm cận thắng duyên, nương theo Tứ thiền duyên theo sự Vô lậu sau, được bi trí tương ứng định nguyện mà làm thắng duyên xa. Nên luận này nói: “Do sức bi nguyện chuyển đổi thân mạng”.

Lại nói: Vô lậu định nguyện chính được tư cảm. Lại nói: Vô lậu có phân biệt nghiệp, có phân biệt nghiệp tức là sau được duyên theo

sự, tư của trí đồng thời, tư cũng là nguyện, nên không nói riêng. Do Sở tri chương chấp vào Bồ-đề hữu tình kia là có khởi bi nguyện, cùng làm đoạn trừ, giữ thân lâu dài, nên Sở tri chương có thể làm duyên. Tuy thật biến dịch dùng chủng tử của danh ngôn làm thân nhân; phước, bất động nghiệp làm tăng thượng duyên. Nếu Vô lậu không kham chịu có thể cảm được biến dịch sinh, do Sở tri chương mới phát ra bi nguyện, nên khởi Vô lậu giúp cho thân nghiệp cũ. Nên luận này nói Vô lậu định nguyện giúp cho nghiệp Hữu lậu. Nay ẩn sở tư, chỉ nêu năng tư và dùng năng phát hơn kém hai duyên, nên kinh Thắng Man đều nói nghiệp nhân của Vô lậu Sở tri chương duyên, có ý sinh thân, tức là do thức v.v... chủng tử của danh ngôn làm thân nhân sinh ra, rõ ràng biến dịch sinh thể là Hữu lậu. Nói Vô lậu giới sinh tử bên ngoài là nương theo thắng duyên mà nói, hoặc là Vô lậu người đã thọ sinh tử, hoặc không phải phiền não lậu đã thọ sinh tử, nên gọi là Vô lậu, chẳng phải thể Vô lậu giới bên ngoài sinh khác, chẳng lìa ba cõi có hữu tình khác. Nhân Vương Bát-nhã ghi: “Ba cõi bên ngoài có chúng sinh khác là nghĩa của ngoại đạo, chẳng phải giáo pháp của chư Phật”. Đây lược nêu ra thể.

2. Giải thích tên: một là phần đoạn, hai là biến dịch.

Nói phần đoạn, phần nghĩa là đều giới hạn, tức gọi là mạng căn; đoạn nghĩa là sai biệt tức là thể của năm uẩn, bỏ đây thọ các khác sai biệt. Sai biệt này Y thân mạng có cùng giới hạn, tức là phần của đoạn gọi là phần đoạn, mong thuộc về thân, tức là Y sĩ thích. Hoặc phần đoạn này đều thông với thân mạng, đều tùy theo nhân duyên, có định cùng giới hạn, nên gọi là phần đoạn, cũng phần cũng đoạn gọi là phần đoạn, tức là Trì nghiệp thích.

Biến dịch sinh tử, vả lại nương theo luận này lược liệt kê ba tên:

a. Bất tư nghì biến dịch sinh tử, giải thích tên như luận cũng thông với hai giải thích y sĩ, trì nghiệp, vì do Hữu lậu đã giúp cảm, đã thọ biến dịch diệu dụng khó lường, chẳng phải cảnh thấp kém, biến dịch tức là bất tư nghì, là Trì nghiệp thích. Hoặc Vô lậu định nguyện diệu dụng khó lường, gọi là bất tư nghì, bất tư nghì biến dịch sinh tử, tức là Y sĩ thích.

b. Ý thành thân: Thân tức là thuộc về quả, ý nguyện là nhân, thành thông với năng sở, tức là tùy theo thân của ý sở thành, thân thuộc về nhân nên Y sĩ thích.

c. Biến hóa: Biến là sửa đổi cũ, hóa nghĩa là cái mới khởi, biến hóa tức là thân, là Trì nghiệp thích, lại có nhiều tên, như trong luận Hiển Trung Biên Tuệ Nhật giải thích rõ ràng.

3. Tướng trạng v.v... đều nói như Xu Yếu. Nhưng phần đoạn tử nói

thuộc về ba cõi, biến dịch không nói, vì phần đoạn tử tùy theo nghiệp trôi buộc địa.

Yếu Tập ghi: “Tùy theo ở ba cõi là ý của luận không khéo, biến dịch ẩn không nói, vì nghiệp của Hữu lậu kia, xứ sở sai biệt”, lược chuẩn theo có thể biết.

Loại sáu và bốn sinh tử nhiếp nhau. Kinh Vô Thượng Y ghi: “Có bốn loại sinh tử: một là phương tiện, hai là nhân duyên, ba là hữu hữu, bốn là vô hữu sinh tử”. Như phần đoạn sinh tử có bốn loại nạn: một là phiền não nạn, hai là nghiệp nạn, ba là báo nạn, bốn là quá thất nạn. Phiền não nạn nghĩa là vô minh, ái, thủ, nghiệp nạn hành hoàn toàn và có thiếu phần. Báo nạn tức là năm quả của thức v.v... đều sinh lão tử. Quá thất nạn nghĩa là sinh, dị, diệt, ưu, bi, khổ não, vì biến dịch bốn loại, như thứ lớp thí dụ kia tức là Sở tri chướng làm phương tiện, hữu phân biệt nghiệp làm nhân duyên. Sở đắc biến dịch làm hữu hữu, vì năm uẩn có sinh, dị, diệt v.v... làm vô hữu sinh tử, tức là dụ cho lỗi kia, tức là biến dịch trên sinh, dị, diệt v.v... thuộc về hành khổ, lại không phải quả khác. Nói Vô hữu sinh tử, chuẩn theo đây mà nói niệm niệm có bốn, không đồng với người xưa. Phương tiện sinh tử, ở nơi Địa đồng, nhân duyên sinh tử bốn Địa, năm Địa, sáu Địa, hữu hữu sinh tử Địa thứ bảy, thứ tám, thứ chín, vô hữu sinh tử ở Địa thứ mười. Nhiếp luận đời Tùy, Đường đều không văn, kinh Vô Thượng Y và luận Thật Tánh cũng không phối hợp Địa.

Tây Minh giải thích: Vô minh chi gọi là phương tiện, sở phát hành chi gọi là nhân duyên, thức v.v... ám chi gọi là hữu hữu, sinh, tử chi gọi là vô hữu. Nay cho rằng ít trái với văn, tức là vì vô minh dụ nói nghiệp nạn, tức là thiếu phần của hữu chi, cũng nhân duyên nhiếp, còn lại lược không luận. Chuẩn theo luận Số và quyển 7 trước, Đăng vô gián duyên đều đã biện luận rộng.

Luận: Vị vô thí đến nay v.v...

Giải thích tịnh tương tục, vì nương theo bản thức, Thức thứ tám Vô lậu, chủng tử của Pháp nhĩ cho là nhân, do chuyển thức thường thường huân tập phát, cho là duyên, có tịnh thứ tám hiện hành tương tục, tức là cho đến cứu cánh trở xuống giải thích thành tương tục.

Hỏi: Thức thứ bảy cũng nói tiếp, vì sao không nói?

Đáp: Chẳng phải giữ gìn chủng tử thức, nên không nói. Nhưng cảnh trí này chỉ chủng tử của bản hữu làm nhân, có thể sinh ra sở sinh hiện thức gọi là mới khởi, có thể giữ gìn chủng tử, cũng gọi là chủng tử. Nên luận này nói chuyển được thí khởi thanh tịnh chủng tử thức, chẳng

gọi là chủng tử, không thể nói do mới huân tập thù thắng, do Thức thứ sáu, thứ bảy huân tập thành chủng tử của cảnh trí, nói đây làm Phật. Nói đặc được mới khởi thanh tịnh chủng tử thức, vì công đức của Phật chỉ Phật và Phật mới có thể biết. Bồ-tát không biết, duyên vì sao huân tập thành? Cũng không nói danh ngôn huân tập, chẳng phải cảnh kia, là duyên theo cảnh của tên gọi, chẳng duyên theo sự, quả được cũng như vậy, nên chỉ chủng tử của bản hữu được sinh, như Vô lậu đầu, do huân tập cái khác phát ra, nhân đầy đủ mới sinh, thành sự cũng như vậy.

Luận: Như vô duyên dụng v.v...

Vấn hỏi Luận sư An Tuệ, trí của Phật và Bồ-tát cũng chẳng phải trí phẩm, không phải Kiến phần có thể duyên theo dụng, như hư không v.v... Hộ Pháp có thể như vậy. Nan-đà như thế nào? Chỉ một Kiến phần lại không phải dụng khác. An Tuệ lại nói, nếu có dụng mới là năng duyên, nên có lỗi vô cùng. Kiến phần không khởi dụng của năng duyên, nên không phải năng duyên. Giải thích rằng, căn cứ theo đây chẳng phải Nan-đà vấn hỏi, chỉ Hộ Pháp v.v... Nếu như vậy cũng có lỗi vô cùng. Nếu kiến nhập diệt không phải có dụng, nên có lỗi bất định?

Đáp: Không phải lỗi vô cùng, vì dụng của Kiến phần từ thể, cũng có thể chẳng cần tác dụng.

Luận: Do lý thú này v.v...

Tổng kết phần trên. Sở ghi: Năm, tám tên, thức nhập vào ý thức, nhiếp chưa thấy văn, nếu như vậy tên thứ bảy ý hợp gọi là ý thức, chuẩn theo đâu được biết?

Đáp: Thứ bảy riêng gọi là ý, đồng gọi là thức, thông riêng hợp với tên gọi, nên quyển 4 trước ghi: “Y chủ thích kia tức là Trì nghiệp thích này”, nên biết chỗ khác đều gọi là ý thức.

Luận: Nhiếp Đại thừa nói v.v...

Nhiếp luận quyển 4 nói, nương theo tha khởi làm sở biến kế, tướng, chất đồng thời là đúng, nên luận này nói biến kế tâm đều với Sở duyên duyên, lựa ra Viên thành thật, vì tướng và chất không phải tương tự, cho nên vốn giải thích gần gũi Tướng phần nhất định Y tha khởi, bản chất bất định tức là trừ Vô vi, nên luận này nói thường xa lìa tánh trước.

Hỏi: Năng chấp của An Tuệ biến ở tâm nào?

Đáp: Căn cứ theo năng kế trước, biến ở tám thức.

Hỏi: Nếu như vậy An Tuệ tự thừa nhận Thức thứ tám chẳng phải sơ, tuệ đồng thời, vì sao phải có chấp?

Đáp: Căn cứ theo bản kế kia, lẽ ra thừa nhận có, chỉ tướng vi tế không nói hai thứ đồng thời. Nay ngài Hộ Pháp trách, nêu ra kinh luận

nào? Thức thứ tám được cùng với hai thứ si, tuệ đồng thời, nếu thừa nhận được đồng thời, thường hành bất cộng nên ở Thức thứ tám. Nếu nói tuy chấp chẳng phải vô minh đồng thời, tức là vặn hỏi rằng ngã chấp nhất định do vô minh, mới bắt đầu được khởi, tức là không phải vô minh, vì sao khởi chấp? Nên nếu có chấp nhất định có vô minh. Chuẩn theo vặn hỏi này, vặn trước nói hai chấp nhất định cùng với vô minh đồng thời, sư kia dứt chống chế.

Lại nói: Không nói vô minh có tánh thiện, dưới chỉ vấn nạn tâm thiện khởi cũng có chấp, tức là si và vô si, hai pháp nên đồng thời, nếu thừa nhận như vậy là trái với kinh Anh Lạc Bản Nghiệp. Sáng, tối một tướng; thiện, ác một tâm, là kệ của Luận sư ngoại đạo nước Bình Sa, vì sao không đồng thời chánh tướng vi?

Hỏi: Ngài An Tuệ có thể chấp ở nơi tâm Vô lậu phải không?

Đáp: Nếu chuẩn theo An Tuệ luận Nhị Thập Duy Thức giải thích Bồ-tát Thập địa Vô lậu cũng có, do luận này chỉ nói Như Lai hậu đắc lẽ ra có chấp, trước nói tám thức, Vô lậu tâm, căn cứ theo hiển bày xử mà nói.

Hỏi: Kiến, tướng của An Tuệ đều là sở chấp, Thế Tôn tức là không có, vì sao nay vặn hỏi kinh nói Phật trí hiện ra nơi thân sĩ v.v...?

Đáp: Sư kia giải thích rằng: Căn cứ theo tăng thượng duyên, nói Phật đã hiện, căn cứ thật hữu tình có thể cảm được biến, như việc thuyết pháp, do đây luôn luôn vặn hỏi, nếu không phải duyên dụng, nên chẳng phải trí v.v... tức là thành tựu duyên dụng, lại thành hiện tướng, lại cũng không lỗi.

Luận: Tuy mỗi mỗi thể là một mà tự như hai loại sinh.

Vốn giải thích như Số. Yếu Tập ghi: “Các giải thích nói đồng mà ý ít khác”, có thích hợp với An Tuệ, tướng, kiến hai phần từ duyên sinh, là sư Hộ Pháp căn cứ theo mình hay là người khác, chẳng cho rằng An Tuệ thừa nhận từ chủng tử khởi, như nói tập khí là thuộc về Tướng phần, đây là ý chủng tử của An Tuệ chẳng phải Tướng phần nói là Tướng phần. Hộ Pháp nương theo mình mà vặn hỏi người khác. Nay cho rằng An Tuệ vốn chấp chủng tử, nương theo tự chứng phần, nghĩa dụng của công năng, chẳng phải Tướng phần nhiếp. Quyển 2 trước ghi: “Giả pháp như không có, chẳng phải nhân duyên”, nếu là Tướng phần làm sao được nói như vô? Thể tức là vô, lại thừa nhận tự chứng phần, duyên sinh chẳng phải vô nên có chủng tử, chủng tử tức là chẳng phải tự chứng phần, năng sở sinh khác nhau, nhân quả tánh khác nhau, lại tự chứng duyên. Bồ-tát Hộ Pháp dùng lý thỏa thích này, chẳng phải tướng

là gì? Nên lập ra vấn đề này, nếu nói Kiến phần Tướng phần từ chủng tử, sinh cũng chẳng phải chấp kia, căn cứ theo đạo lý nào? Theo mình vấn đề người khác nên biết rằng: Nếu duyên đã sinh bên trong Tướng phần, Kiến phần chẳng phải Y tha khởi; thí dụ tự chứng kia cũng là vô, vô không phải nhân khác, là cùng thừa nhận nghĩa. Lại quyển 4 trước ghi: “Mười tám giới chủng tử sẽ thành lẫn lộn v.v...”, nên thừa nhận Tướng phần Kiến phần cũng từ chủng tử sinh không như vậy đây nói rỗng không, không được lợi ích.

Hỏi: Tướng, kiến của An Tuệ tức là Biến kế sở chấp, vì sao Nhiếp luận ghi: “Chỉ lượng chỉ hai đều gọi là Y tha”?

Tây Minh có ba giải thích:

1. Phần tự thể của thức cùng với chủng tử của Tướng phần, Kiến phần là chỗ nương, giả nói tự thể gọi là Kiến phần, Tướng phần, chẳng phải chấp lấy Kiến phần, Tướng phần, gọi là Y tha khởi.

2. Tự chứng phần trên nương tựa Kiến phần Tướng phần hiện ra, do đạo lý này, nói Kiến phần Tướng phần gọi là Y tha khởi.

3. Căn cứ theo thật Kiến phần Tướng phần ý chấp lấy sở y, chẳng phải ngay nơi hai phần làm Y tha khởi ba giải thích này. Thứ nhất do tự chứng và chủng tử của Kiến phần Tướng phần làm chỗ nương, tức là giả nói tự chứng làm Kiến phần, Tướng phần. Thứ hai do Kiến phần Tướng phần nương theo Y tha hiện ra, nói Kiến phần Tướng phần này, giả gọi là Y tha. Thứ ba nêu hai loại Kiến phần, Tướng phần hiển bày sở y, gọi là chỉ hai.

Luận: Phẩm Hậu đắc trí hai phần nên gọi là Biến kế sở chấp.

Hỏi: Kiến phần, Tướng phần của An Tuệ là kế sở chấp. Phật quả sẽ là vô, vì sao nay nói hai phần của Vô lậu nên gọi là biến kế?

Đáp: Bản kế là vô, kia nương theo vấn đề trước, nếu không phải Kiến phần, vô có thể duyên dụng, do lượng lập hữu, lại giáo pháp chứng thành, thành tựu Phật được hữu; nên làm ra vấn đề này.

Hỏi: Ngài An Tuệ vốn chấp Phật không phải Kiến phần Tướng phần, vì sao trí duyên theo chân? Vì sao trí duyên theo tục?

Đáp: Duyên theo tự chứng phần gọi là tục, duyên theo như gọi là chân.

Hỏi: Địa vị của nhân Vô lậu cũng thừa nhận có chấp, thế nào gọi là hiện lượng, tỷ lượng, phi lượng v.v... lại gần gũi được duyên theo như chẳng?

Đáp: Căn cứ theo duyên vào tâm khác, nói rằng không biết như Phật trí cũng không gần gũi duyên theo như, địa vị của nhân gọi là Vô

lậu, tên gọi duyên theo như, tên gọi duyên theo hai không v.v... Căn cứ theo vô minh dần dần nhỏ, tên gọi làm Vô lậu duyên theo như duyên theo hư không, chia làm phàm thánh, nên các tự chứng địa vị nhân không thể rõ ràng găn gũi được. Hiện lượng, tỷ lượng, phi lượng, chuẩn theo tư có thể biết.

Hỏi: Luận kia thừa nhận địa vị nhân, thể của Kiến phần Tướng phần là vô, lại không găn gũi được tự chứng và như, lấy gì làm thân Sở duyên duyên. Quyển 7 ghi: “Thân Sở duyên duyên năng duyên đều là hữu”.

Đáp: Luận kia chấp thân Sở duyên duyên, chẳng phải nhất định có thể.

Nếu như vậy vì sao dưới đây vặn hỏi rằng: Lại nếu hai phần kế sở chấp, nên như sừng thỏ, chẳng phải Sở duyên duyên?

Đáp: Lược có ba giải thích:

1. Luận kia thừa nhận sừng thỏ chẳng phải nhân sinh, nên chẳng phải Sở duyên duyên, hai phần nhân sinh thành Sở duyên duyên nay. Căn cứ đây không đồng với sừng thỏ kia, nên được làm vặn hỏi.

2. Bản kế tuy không phải thân Sở duyên duyên, tâm cũng được sinh, vì lập ra Duy thức, nhưng ngài Trần Na đã nói, không có cái gì là không phải Sở duyên duyên, là phá được chấp khác, thành tự cái khác là ngữ. Nay Hộ Pháp tự phá kia, nên làm tỷ lượng.

3. Hộ Pháp căn cứ theo Nhiếp Đại thừa, có năng biến kế sở biến kế, đều Y tha khởi, sở biến kế này tức là sở Sở duyên duyên.

An Tuệ cùng thừa nhận, thí dụ thân Sở duyên duyên cũng sẽ có thể nói Sở duyên duyên, chuẩn theo Vô Trước, Trần Na đều có hai loại thân sở Sở duyên duyên. Nay phá nương theo cùng thừa nhận giáo, lập lượng phá kia, chẳng phải là ngài Hộ Pháp căn cứ theo tự phá tha, giải thích này là thắng. Nay văn của luận này nêu trái phá lượng, không nêu thuận thành, nêu thuận thành nên nói Phật thân Sở duyên duyên, Tướng phần, Kiến phần hữu, thí dụ Tướng phần Kiến phần khác cũng sẽ là hữu, là Sở duyên duyên như Tướng phần Kiến phần của Phật, nhưng ban đầu trái với thành. Nếu hai phần vô, nên chẳng phải Sở duyên duyên, thể chẳng phải hữu, như sừng thỏ v.v... An Tuệ nếu thừa nhận cũng Sở duyên duyên, năng, sở biến kế là thuộc về loại nào? Nếu sở biến kế là Y tha hữu, nếu năng biến kế chẳng phải là bên trong tâm, nếu kế sở chấp chẳng phải Sở duyên duyên, không nói vô pháp làm sở biến kế. An Tuệ tự thừa nhận địa vị của nhân, các tâm đều năng kế, đã nói năng kế tức là gá vào Y tha là sở biến kế, nên Kiến phần, Tướng

phần vô, chẳng phải Sở duyên duyên. Nên nay vặn hỏi rằng Kiến phần Tướng phần thể vô, chẳng phải Sở duyên duyên.

Hỏi: Nếu kể sở chấp chẳng phải Sở duyên duyên, vì sao dưới nói làm cảnh phàm Thánh?

Đáp: Cảnh rộng duyên hẹp, nếu chẳng phải sở duyên, căn cứ theo trí xa duyên, cũng được gọi cảnh, Tướng phần của thân duyên là Sở duyên duyên, năng duyên đều hữu, lý của Duy thức, chẳng phải chất hữu mới khởi tâm.

Luận: Lại các tập khí v.v...

Vốn giải thích như Sở.

Tây Minh nói: Lại các chủng tử là tướng thứ tám, nếu là sở chấp nên chẳng phải nhân duyên, vì vô thể, như hoa đốm trong hư không v.v... nay cho rằng không đúng. Nếu thừa nhận chủng tử là thuộc về Tướng phần, luận kia chấp tướng vô, vì sao Hộ Pháp quyển 2 vặn hỏi rằng giả pháp như vô thể tức là vô? Lại không nên nói đã chẳng phải một, khác, lẽ ra như bình v.v... là quả chẳng phải thật, bình nương theo bốn trần, chẳng phải hoàn toàn vô, không đồng với hoa đốm trong hư không v.v...

Luận: Hai không sở hiển v.v...

Vốn giải thích như Sở, có nói: Chân như làm hai không hiển là do thật vô hai ngã và không vô hai ngã, lia tăng giảm này, mới là Viên thành.

Yếu Tập ghi: “Không tuy chẳng phải biểu thuyên cùng với biểu thuyên là nhân, nên gọi là không hiển, trí duyên theo hai không, chưa hiển bày được chân”, nay cho rằng không đúng. Lúc trí duyên theo không, tuy chưa chứng ngay, nhờ vào năng hiển này. Nếu liền do không mới hiển bày chân, trí chính quán về không Chân như chưa hiển bày, trí chứng được chân lại không làm ta không không thể trí quán về không, không tự hiển bày chân, lia trí quán không, không tự hiển bày chân, lúc nào có thể hiển bày? Trong luận Phật Địa chỉ nói đứng về gia hạn quán gọi là cộng tướng, không nói do tánh không, hiển bày gọi là cộng tướng.

Luận: Giống như huyễn sự v.v... như Xu Yếu và luận Biện Trung Biên số thuật.

Hỏi: Như nương tựa gương duyên trở lại thấy tự chất, như hình tượng trong mặt trăng, ai là chất?

Giải thích rằng: Vì mặt trăng là duyên trở lại thấy bản chất, kia là chất của biển lớn núi lớn, cá.

Hỏi: Nếu như vậy đâu thấy được chướng ngại sắc bên ngoài ư?

Giải thích rằng: Thừa nhận cũng không lỗi, như cách ngăn lưu ly thấy sắc bên ngoài, lại chẳng phải chướng bên ngoài, nhờ vào vầng trăng kia không thọ tầm mắt, dưới thấy núi biển, như nhờ vào gương trước mặt, tự thấy trái.

Luận: Ba Duy thức Chân như.

Sớ ghi: Thấy thức Chân như, liền có thể biết đây, ý nói sở quán như. Yếu Tập ghi: “Có giải thích nói Tam Tạng giải thích rằng: Hoặc dùng quán trí gọi là Chân như, nếu không như vậy liền cùng với văn sau trái nhau, nhiệm tịnh Duy thức sẽ thông với ba tánh”, ý này nếu nói sở quán như, biến khắp ba tánh, nên thông với ba tánh. Nay cho rằng Sớ giải thích là chính, vì sao? Nếu chấp lấy năng quán, gọi là Duy thức như, vì sao quyển 77 ghi: “Gọi tất cả hành chỉ là duy tánh?” Lại vì sao nói do tướng Chân như rõ biết được Chân như, tất cả các pháp bình đẳng bình đẳng, do năng quán trí tuy thuộc về hành, chẳng phải tất cả hành, lại năng quán trí hàng Nhị thừa đều vô, vì sao bình đẳng. Nếu nói đứng về sở quán, nói tức là chẳng phải năng quán; nếu như vậy tức là chấp lấy sở quán Duy thức, vì sao không thông với hai tánh đầu nhiếp?

Đáp: Đứng về sở quán tánh tức là chỉ thành thật, căn cứ theo thuyên hiển, có thể thông với ba tánh. Luận nói: Tùy theo tướng không chướng ngại thông với cái khác.

Luận: Không, hữu ba v.v...

Sớ không chia ra giả thật, chỉ tổng tướng giải thích. Yếu Tập ghi: “Hoặc không vô ngã, ban đầu giữa tánh, đế đều thật. Sau tức là tánh thật tế giả”. Nói có nói không vô ngã đều tánh, đế thật, là trái, hai không sở hiển và sở chấp tánh chẳng phải Khổ đế. Nay cho rằng không đúng, một số văn không phán phân, tâm thình đây giải thích lý như vậy. Nếu nói hai không sở hiển và sở chấp tánh là chẳng phải Khổ đế, vì sao tự đoạn nói không vô ngã ban đầu giữa tánh, đế đều thật? Vì không vô ngã hai loại hành tướng và kia tướng tự, cũng hành tướng này được hành cảnh. Biến kế tánh vô, gọi là không vô ngã Viên thành thật tánh, không vô ngã tánh cũng không vô ngã, bản tánh của Khổ đế chẳng phải ngã sở nên không, chẳng phải nhất thường nên vô ngã, năng quán sở quán hành tướng đều thông, nên nói đều là thật. Căn cứ theo thật hai tánh chẳng phải Khổ đế nhiếp, hai hành tướng trước sau tánh thật đế giả, nên biết khổ dưới bốn hành đều ba, như lần lượt nương theo biến kế, Y tha, Viên thành, đều chia làm ba hành, đầu sau đều tánh thật. Luận Biện Trung Biên nói tức là tánh kia, từ đế đều giả, giữa tức là Y tha, tánh,

Đế đều thật nhưng giữa Y tha, Vô lậu Y tha là Đạo đế nghiệp, Hữu lậu Y tha là Khổ đế nghiệp, nghiệp thiếu phần của Y tha. Chuẩn theo Pháp sư Biện Trung Biên sơ giải thích, hành tướng của vô thường, nói nay vô thường đồng duyên với ba tánh, nói năng duyên hành tướng có kế sở chấp v.v... thật chẳng phải hành tướng này thông với tánh trước sau; lại chuẩn theo lý. Vô thường duyên với ba Đế, tánh ban đầu chẳng phải thuộc về Đế, nói duyên theo kia, thông với tất cả tâm, duyên vô thường ngữ, giả nói làm vô thường hành thật chẳng phải thuộc về hành, lại vì tánh kia giả gọi là vô thường, các hành tướng dưới chuẩn theo đây nên biết. Nay chuẩn theo giải thích này, vô thường khổ v.v... là hành tướng của Khổ đế, chẳng phải hành tướng của tánh trước sau, nói tánh trước sau đều là giả nói. Chuẩn theo không vô ngã nghiệp về tánh trước sau; cũng là giả nói, kia chẳng phải Đế nghiệp, nên chẳng phải hành tướng này.

Nay lại giải thích thêm, trước giải thích căn cứ theo Tam thừa Khổ đế, Tập đế v.v... không nghiệp Chân như, nương theo tông của Đại thừa, bốn Đế cũng nghiệp Viên thành thật tánh. Nên kinh Niết-bàn ghi: “Thanh văn có thể có Đế mà không phải thật, Bồ-tát cũng có thật thật tức là Chân như”, Bồ-tát cũng có thể nương theo bốn Đế rõ ràng, quán Viên thành thật, nên Khổ đế Tập đế cũng nghiệp hai thứ kia, tuy chẳng phải Khổ đế Tập đế mà là tánh kia. Nếu nương theo giải thích này bốn hành ba hành mỗi mỗi sau tánh, Đế đều thật, lại tà hạnh như v.v... tức là Đế chân tánh, căn cứ theo thuyết hiển bày thể Chân như thông với bốn Đế, nên bốn hành ba hành sau tánh, Đế đều thật.

Chưa lìa trói buộc tập, giả thật chuẩn theo mà biết, đều làm hai giải thích, do là tánh tập hợp, chưa lìa trói buộc, lìa trói buộc chẳng phải tập hợp tức là Trạch diệt, căn cứ theo chân tánh của chưa lìa trói buộc tập, gọi là tập, tánh, Đế đều thật, do nghiệp phiền não, gọi là tập, đây tức là Đế giả.

Diệt đế sơ diệt. Yếu Tập có ba giải thích: Ban đầu giải thích đế thật tánh giả, tự tánh không sinh, là Trạch diệt tức là cùng với thứ hai không khác, sau giải thích tánh, đế đều thật, vô nên không sinh, tánh thật có thể như vậy, thường nên không sinh, cùng với bản tánh diệt khác gì, nên chỉ thứ hai nương theo Sơ chính.

Trung diệt, nương theo Pháp sư Biện Trung Biên sơ, hai sư Hộ Pháp, An Tuệ giải thích khác nhau, nương theo Hộ Pháp nói: Đoạn hai thủ này đã được bất sinh, bất sinh là Trạch diệt, do nương theo Y tha khởi mà được diệt, giả nói làm Y tha khởi, ý này tức là tánh giả đế thật.

An Tuệ giải thích rằng: Hai thủ tức là Biến kế sở chấp. Sở y của hai thủ phần tự thể của thức là Y tha khởi, sở y của hai thủ phần tự thể đoạn được bất sinh, bất sinh là diệt, giả gọi là Y tha. Nay nói hai thủ ý chấp lấy sở y tự thể của thức.

Ba bản tánh diệt, luận Biện Trung Biên ghi: “Nghĩa là hai loại cấu tịch tức là Trạch diệt và Chân như”, Pháp sư Trung Biên sơ nói An Tuệ cho rằng hai loại cấu tịch, một nhiễm cấu tịch tức là Phiền não chướng đoạn, nghĩa là Trạch diệt, hai bất diệt cấu tịch tức là Sở tri chướng đoạn, nghĩa là Chân như diệt, chung giải thích rằng: Do cấu tịch nên dung được hai loại nghĩa là Trạch diệt và Chân như, hoặc cấu tịch nên được Trạch diệt, hoặc tánh vắng lặng tức là Chân như, chung hợp hai loại, nên nói hai loại cấu tịch. Nhưng luận Thành Duy Thức ghi: “Hai thủ diệt tức là Trạch diệt”, luận Biện Trung Biên nói Trạch diệt tức là thuộc về bản tánh, hai luận nói khác nhau, luận Trung Biên căn cứ theo sở y sở đắc, hai loại đều khác nhau, sở y Y tha giả tên gọi làm hai thủ diệt, hoặc sở đắc thuộc về bản tánh. Luận Duy Thức không căn cứ theo sở y chỉ nói rõ sở đắc, giả gọi là Y tha, nên chia ra Trạch diệt, ý này do luận Trung Biên nói hai, hai thủ diệt, tức là năng thủ, sở thủ, hai thủ bất sinh, ba bản tánh diệt, nghĩa là hai loại cấu tịch tức là Trạch diệt và Chân như, do luận Biện Trung Biên nói sở y tức là năng thủ sở thủ làm hai thủ diệt, nói sở thủ tức là đoạn hai thủ, đã được Trạch diệt nên chia làm hai, luận Duy Thức không nói sở y hai thủ, chỉ nói rõ sở đắc đoạn hai thủ đã được Trạch diệt, giả gọi là Y tha, thật là Trạch diệt, nên ở trong bản tánh diệt, chia ra xuất Trạch diệt, gọi là hai thủ diệt, tức là đế thật.

Luận Biện Trung Biên nói sở y hai thủ vô gọi là hai thủ diệt, tức là sở diệt kia gọi là diệt, thật Y tha khởi, tánh thật đế giả. Nếu nương theo thức biến, gọi là Trạch diệt, cũng đồng với giải thích này. Bản tánh diệt là nương theo luận Trung Biên Trạch diệt làm bản tánh, tánh, đế đều thật, Chân như hai thuyết. Nếu chỉ căn cứ theo duyên tánh thật đế giả, thuyên chỉ hợp lời, tánh đế đều thật. Chuẩn theo kinh Niết-bàn Đế nhiếp pháp hết, Chân như chẳng phải diệt, tức là nhiếp pháp không hết, hoặc thật tánh của diệt, Chân như gọi là bản tánh diệt, cũng là tánh Đế đều thật.

Đạo đế ba loại. Yếu Tập ghi: Ba loại đều tánh giả đế thật, biết sở chấp vô, đoạn được nhiễm Y tha, chứng được lý Chân như, phần tịnh Y tha chẳng phải sở đoạn chẳng phải chứng, nay cho rằng không đúng. Ba loại làm chứng đạo có thể chứng được Viên thành thật, thường vô

thường nên chẳng phải thuộc về Viên thành, lậu Vô lậu cũng thuộc về Viên thành, Chân như đã chứng thành thật, bốn trí có thể chứng thành thật, nên tánh, Đế đều thật.

Luận: Ba giải thoát môn v.v...

Nếu luận Tát-bà-đa chuẩn theo luận Câu-xá 28 thì nói Không Tam-ma-địa nghĩa là không, phi ngã, hai loại hành tướng tương ứng đẳng trì, Vô tướng Tam-ma-địa nghĩa là duyên theo Diệt đế, bốn loại hành tướng tương ứng đẳng trì. Kinh Niết-bàn lia mười tướng nên gọi là Vô tướng, duyên theo Tam-ma-địa được tên Vô tướng, mười tướng là gì? Nghĩa là năm cảnh là năm, hai loại nam, nữ, ba tướng Hữu vi. Vô nguyện Tam-ma-địa nghĩa là duyên theo Đế khác, mười loại hành tướng tương ứng vi đẳng trì, có duyên do gì?

Đáp: Luận kia nói chẳng phải thường khổ, nhân có thể nhằm chán hoại, đạo như thuyền bè, nhất định sẽ bỏ, có thể duyên theo định kia, được tên vô nguyện đều là vượt qua sở đối hiện tại, ý này là muốn hưởng đến Niết-bàn, nên gọi là vượt qua sở đối.

Hỏi: Nếu như vậy phi ngã tướng là Khổ đế hành, vì sao chẳng phải vô nguyện?

Đáp: Luận kia nói chẳng phải đã nhằm chán bỏ, vì cùng với tướng Niết-bàn tương tự nhau, ba loại này đều là hai loại thế và xuất thế gian, giữ gìn khác nhau. Trung Vô lậu gọi là giải thoát môn, có thể cùng với Niết-bàn làm nhập môn, lại có trọng, chỉ định của Hữu lậu, nhằm chán Thánh đạo, Vô lậu không như vậy, tức là bậc Vô học không lúc nào giải thoát ban đầu không không, duyên theo Vô học trước. Không Tam-ma-địa chấp lấy không tướng kia, không tướng thuận nhằm chán, thù thắng phi ngã, vô nguyện vô nguyện duyên theo Vô học trước. Vô nguyện đẳng trì, chấp lấy tướng phi thường, không chấp lấy khổ nhân v.v... chẳng phải Vô lậu (không chấp lấy khổ và tập nhân tập sinh ra nguyên do của duyên) không chấp lấy đạo v.v... làm yếm xả (vì pháp Vô lậu không thuận nhằm chán). Vô tướng vô tướng nghĩa là duyên theo Vô học vô tướng, Tam-ma-địa, phi trạch làm cảnh, vì pháp Vô lậu không phải Trạch diệt (giải thích này không duyên theo nguyên do của Trạch diệt), chỉ chấp lấy tinh tướng, chẳng phải diệt, diêu, ly, lạm dụng phi thường, (giải thích không chấp lấy nguyên do của tướng diệt), là Vô ký tánh (giải thích không chấp lấy nguyên do của diêu, ly) chỉ người trong ba châu nương theo mười một địa trừ bảy cận phần.

Theo thuyết của Đại thừa, các văn không đồng, ban đầu nói về nhiếp hành, sau nói rõ hành cảnh. Luận Du-già 55 ghi: “Có bao nhiêu

không hành, nghĩa là hai hành, tức là hai hành Khổ đế sau”. Có bao nhiêu vô nguyện hành? Tức là hai hành trước Khổ đế và Tập đế tất cả. Có bao nhiêu vô tướng hành? Nghĩa là Diệt đế tất cả. Có bao nhiêu thanh tịnh nhân sở hiển hành? Nghĩa là Đạo đế tất cả, ý này không, vô ngã hành thuận theo không hành. Sáu là Hữu lậu, không thể nguyện. Bốn là Diệt đế không phải mười tướng, đạo dưới bốn hành có hai giải thích:

1. Thông với ba thoát môn, luận nói rằng là thanh tịnh nhân sở hiển hành ba giải thoát môn đều thanh tịnh nhân, có thể đắc được Niết-bàn, vì không, vô ngã thông với các đế, vì là Hữu vi không thể nguyện, không phải tướng của nam, nữ v.v...

2. Chẳng phải ba nhiếp, chỉ nói thanh tịnh nhân hành được hiển bày, không nói ba thoát môn, đạo dưới bốn hành, chẳng phải không vô ngã, không phải là không hành, chẳng phải Hữu lậu, nên không phải là vô nguyện, là Hữu vi nên không có cái gì không phải mười tướng, nên chẳng phải ba thân, trước giải thích là thắng, đây là “lại nữa” thứ nhất.

Theo quyển 68 ghi: “Không hành, vô ngã, hành kiến gọi là không hành, hành kiến khác gọi là vô nguyện hành, một hành kiến gọi là vô tướng hành, nghĩa là đối với Diệt đế lìa trói buộc hành kiến”, ý này tức là nói không và ngã hành là không hành, vô thường, khổ, tập, đạo tám thứ là vô nguyện hành, Diệt đế dưới bốn thứ là vô tướng hành, ý này Đạo đế là Hữu vi nên thuộc về vô nguyện hành, nghĩa khác chuẩn theo trước, đây là “lại nữa” thứ hai.

Theo luận Du-già quyển 12 ghi: “Thế nào là không Tam-ma-địa? Không có bốn thứ, một quán sát không”, nghĩa là quán sát các pháp, không, vô thường, lạc cho đến không vô ngã và ngã sở v.v... đây có hai giải thích:

1. Khổ dưới bốn hành đều là không hành, không phải thường, lạc, ngã và ngã sở kia, đều gọi là không.

2. Chỉ nói vô thường, vô lạc, không nói là khổ, chỉ không vô ngã là không đẳng trì.

Thế nào là vô nguyện tâm Tam-ma-địa? Nghĩa là đối với năm thủ uẩn, tư duy vô thường, hoặc tư duy khổ, tâm trụ theo một duyên, chuẩn theo đây cũng có hai giải thích:

1. Đã nói đối với năm uẩn quán vô thường, khổ không với khổ tập dưới sáu thứ hành tướng chỉ nói vô thường khổ, nêu quả hành tướng, nhiếp bốn loại tập nhân, chuẩn theo đạo lý này, không giữa hai giải thích, trước giải thích cũng được.

2. Căn cứ theo văn chỉ vô thường, khổ gọi là vô nguyện hành, tức là không nhiếp tập, vì đối với quả trên phần nhiều chấp thường, lạc mà khởi nguyện cầu, nay riêng đối trị đây, chỉ khổ dưới, vô thường, khổ hai thứ làm vô nguyện hành.

Thế nào là vô tướng tâm Tam-ma-địa, nghĩa là ngay nơi các thủ uẩn kia diệt, tư duy vắng lặng, tâm trụ nơi một duyên, chuẩn theo đây vô tướng nhiếp bốn hành của diệt, tánh vô tướng. Đạo bốn hành tướng chẳng phải ba đẳng trì, nghĩa chuẩn theo giải thích trước, đây là “lại nữa” thứ ba.

Quyển 12 kể dưới nói: Lại diệt đạo đều lẽ ra hiểu rõ, ý nói vô tướng hành đã hiểu rõ, tức là diệt, đạo tám loại đều vô tướng môn, Diệt đế là quả, đạo là công đức, đều là được rõ, tức là vô tướng môn, nhiếp diệt đạo tám loại, căn cứ theo năng vô tướng và tánh vô tướng, đây là “lại nữa” thứ tư.

Lại nói: Quyển 12 kể dưới nói: Nếu ở nơi chỗ này không có vật kia do đạo lý quán nó là không, nên gọi là không tánh, tức là sở quán không không thể cầu mong, nên gọi là vô nguyện, tức là đây xa lìa tất cả hành tướng, nên gọi là vô tướng, chuẩn theo đây đã nói mười sáu hành tướng đều thuộc về ba loại, nương theo nghĩa của vô tướng, đây là “lại nữa” thứ năm.

Luận Du-già quyển 86 ghi: “Do ba giải thoát môn, sức tăng thượng nên lập ra bốn Ôn-đà-nam (tứ pháp ấn), tất cả hành vô thường, tất cả hành khổ là nương theo vô nguyện lập ra, tất cả pháp vô ngã là nương theo không mà kiến lập, Niết-bàn tịch tịnh là nương theo vô tướng lập ra”, chuẩn theo đây được rõ ràng, vô nguyện nhiếp mười hai loại, vô thường thông với ba Đế, không nhiếp mười sáu hành tướng đều vô ngã, vô tướng nhiếp bốn hành, diệt là Niết-bàn, nương theo thông hành tướng, trước không phải sở nguyện, kế mới quán không, nhờ không chứng được diệt, đây là “lại nữa” thứ sáu.

Lại nữa, theo quyển 72 ba giải thoát cùng với năm việc trong tướng nhiếp, nếu tướng bên mười sáu hành tướng đều thông với ba nhiếp, luận kia nói như là năm việc bao nhiêu là không, là không cảnh, vô nguyện vô tướng hỏi cũng đồng chăng?

Đáp: Tướng thông với ba loại, cũng hai loại cảnh, ý này ba giải thoát môn lấy tướng làm thể, tức thiếu phần là năng quán, toàn phần là sở quán, đều thông với ba nhiếp, Đế hành là tướng nên tên thông với ba phần. Nếu căn cứ theo tên nói tên thông với ba Đế, thật chỉ khổ, đạo là Vô ký, chẳng phải Tập đế nhiếp, tùy theo âm thanh giả nói cũng là Tập

đế, được thông với Vô lậu cũng thuộc về Đạo đế, nương theo tên hành tướng, thông với không, vô nguyện, nên ba Đế dưới bốn hành thiếu phần không, vô nguyện nhiếp. Nên luận kia nói tên chẳng phải ba loại, là hai loại cảnh, ý trừ vô tướng, nếu nương theo phân biệt khổ, tập, đế tám loại đều có thể ba loại nhiếp, năng quán thông với ba loại. Nếu căn cứ theo sở quán, không, vô nguyện nhiếp, luận kia nói rằng phân biệt thông với ba là hai loại cảnh, diệt dưới bốn hành không, vô tướng nhiếp. Luận kia nói Chân như chẳng phải ba loại, là không vô tướng cảnh, đạo bốn hành tướng, nếu nương theo năng quán thông với ba môn nhiếp, nếu căn cứ theo sở quán, không hành sở nhiếp. Luận kia nói Chánh trí thông với ba loại, là không sở hành cảnh, chuẩn theo trên được rõ ràng, nương theo tướng mười sáu đều thuộc về ba loại, căn cứ theo bốn loại khác mà nói, không nhiếp mười sáu hành tướng, vô nguyện nhiếp khổ, tập tám loại, vô tướng nhiếp diệt dưới bốn loại. Lại nói nếu không phải sai biệt, chung nói là không, vô nguyện, đây tướng đồng, chuẩn theo trong đây rõ ràng, nương theo tướng bèn không sai biệt, đồng với quyển 12, lại nữa thứ năm. Nay trong đây nương theo cảnh sở sở quán, chấp lấy nương theo bốn nhiếp khác, hành có khác nhau làm “lại nữa” thứ bảy.

Căn cứ theo quyển 74 và luận Hiển Dương quyển 6 nương theo ba tự tánh, như lần lượt kiến lập ba giải thoát môn, đều duyên theo một cảnh. Nếu căn cứ theo lời này, không giải thoát môn, không nhiếp đế hành, Biện kế sở chấp chẳng phải là Đế, vô nguyện giải thoát nhiếp khổ, tập, đạo mười hai tướng hành là Y tha vô tướng giải thoát nhiếp Diệt đế bốn loại, đây là “lại nữa” thứ tám.

Luận Hiển Dương quyển 2 ghi: “Không vô tướng vô nguyện đều có sở tri và năng sở tri trí”, nhiếp hành có hai, ban đầu lấy bốn đều làm cảnh sở quán, đoạn vọng chứng chân, ở trong sinh tử không khởi nguyện ít, luận kia nói không hành nghĩa là đối với các hành ngã không thể đắc, và trong các tướng, thế tục phân biệt, pháp không thể đắc, ý này quán nhân ngã, pháp ngã cả hai đều là không, cũng nhiếp Khổ đế, dưới không hành tướng, vì ngã và sở đều là không nên nhiếp hai hành tướng, vô tướng hành nghĩa là ở trong các hành, chúng sinh vô ngã tánh có thể đắc, và pháp vô ngã tánh có thể đắc, và ở trong diệt, diệt, tĩnh, diệu lìa hành, ý này quán Chân như và Trạch diệt làm vô tướng. Hai tánh của vô ngã tức là Chân như, căn cứ theo phước thuyết đàm chỉ lìa diệt, tĩnh v.v... chỉ nói hai Chân như, nếu thuyết, chỉ hợp rõ ràng tức là thuộc về tĩnh, diệu v.v... chuẩn theo đây vô tướng nhiếp bốn hành của

diệt. Vô nguyện hành nghĩa là vô thường, khổ cho đến nói nhân, tập, sinh, duyên hành. Chuẩn theo đây tức là nhiếp vô thường, khổ và bốn hành tướng của khổ, tập. Chuẩn theo trên đã nói, đạo bốn hành tướng, chẳng phải ba sở nhiếp, chẳng vọng nên chẳng không, chẳng chân nên có tướng, Bồ-đề nên có thể nguyện. Nếu căn cứ theo hành tướng của năng quán, đạo có thể làm ra ba loại cũng nhiếp được ba loại, nên trước kia nói không có hai loại: một là sở, hai là trí. Hai loại còn lại cũng như vậy, lại nói duyên theo đạo của trí không, làm ra Đạo đế, Chân như, hành tướng, xuất hành tướng, đây cũng là không, ý này trí duyên theo cảnh của không, trí cũng gọi là không, Đạo đế đã nhiếp, gọi là trí không đoạn, còn lại chuẩn theo đây. Duyên theo đạo của trí vô tướng, làm ra Đạo đế, Chân như, hành tướng, xuất hành tướng, duyên theo đạo của trí vô nguyện làm ra Đạo đế làm ra Đạo đế, Chân như, hành tướng, xuất hành tướng đây cũng là vô nguyện, tuy năng sở khác nhau, đồng với quyển 55, ba môn đều nhiếp, văn quyển 55 có hai giải thích, nương theo giải thích trước đồng với luận kia, căn cứ theo giải thích sau đây tức là khác, đây là “lại nữa” thứ chín.

Luận Tập Tập quyển 21, ba giải thoát môn nhiếp mười sáu hành cùng với luận Du-già quyển 12 đồng về tướng nhiếp tám loại nghĩa là Diệt đế, Đạo đế, ý ít có khác. Luận kia nói: Do kia không thể làm ra các tướng, vì đây diệt tánh vô tướng, năng quán trí làm ra vô tướng hành, có thể sai khiến các tướng các văn không đồng, đều căn cứ theo một nghĩa, lược như trước đã nói, rộng phiền phức tạm dừng lại, trước do rộng rõ ràng, nay lược bớt. Một là chuẩn theo quyển 55 không nhiếp hai hành, nghĩa là Khổ đế dưới không, vô ngã hành, vô nguyện nhiếp sáu nghĩa là Khổ đế dưới vô thường và khổ đều tập dưới bốn loại, do quán khổ quả nhân ở trong ba cõi không phải nguyện cầu, vô tướng nhiếp bốn loại, tức là bốn hành của Diệt đế, đạo hoặc thông với ba loại, hoặc chẳng phải ba loại nhiếp. Thứ hai chuẩn theo quyển 68 không nhiếp đồng với trước, vô nguyện nhiếp mười loại, Khổ đế hai loại trước, Tập đế Đạo đế đều bốn loại, vô tướng nhiếp bốn loại, Diệt đế dưới bốn hành. Thứ ba chuẩn theo luận Du-già thứ mười hai, không nhiếp bốn loại, hoặc chỉ nhiếp hai loại, nghĩa là không, phi ngã, vô nguyện nhiếp hai loại nghĩa là khổ, vô thường, hoặc có thể nhiếp sáu loại, đều Tập đế dưới bốn loại, vô tướng nhiếp bốn loại đồng với trước đã nói.

Thứ tư mười hai thuyết, nếu theo nên biết, vô tướng nhiếp tám loại, Diệt đế Đạo đế đều bốn loại, còn lại đồng với thứ ba. Thứ năm cũng mười hai thuyết, ba giải thoát môn đều nhiếp mười sáu hành tướng.

Thứ sáu nói chuẩn theo 86 vô nguyện nhiếp mười hai loại, chỉ trừ bốn loại của Diệt đế, không nhiếp mười sáu loại, vô tướng nhiếp bốn loại. Thứ bảy nói chuẩn theo 72, căn cứ theo tướng, tên gọi v.v... năm pháp rõ ràng: Một nói rằng theo mười sáu loại tướng đều thông với ba giải thoát nhiếp, không chẳng phải tướng, căn cứ theo tên gọi nhiếp, không và vô nguyện nhiếp ba Đế đầu, mười hai loại thiếu phần, có chẳng phải tên gọi, căn cứ theo phân biệt mà nói, Khổ đế, Tập đế tám loại hành đều thông với ba nhiếp, căn cứ theo chánh trí mà nói, không nhiếp bốn loại của Đạo đế. Căn cứ theo như như mà nói, không và vô tướng nhiếp bốn loại dưới của Diệt đế, nương theo tướng đồng với trước, nương theo bốn loại của tên gọi v.v... nhiếp liền có khác, hợp với thứ bảy khai thành mười, tên gọi v.v... nhiếp đế đều có rộng hẹp, nhiếp hành không đồng. Mười một nói chuẩn theo 74 không giải thoát môn không nhiếp mười sáu hành tướng, nương theo tánh biến kế lập ra không giải thoát, vô nguyện giải thoát nhiếp ba loại Khổ đế, Tập đế, Đạo đế, bốn mươi hai, vô tướng nhiếp bốn loại, tức là hành tướng của Diệt đế. Thứ mười hai nói nương theo luận Hiển Dương quyển 2 nói cùng với văn 55 đồng có mười một giải thích khác với văn 55, thành ra mười hai giải thích. Trước bày ra có thể biết, lược không nêu, chuẩn theo luận Hiển Dương v.v... giải thoát tức là môn, vì năng quán trí Vô lậu, lìa được trói buộc gọi là giải thoát. Nên luận kia nói nếu giải thoát nói là vô, chỉ là Vô lậu, tu tuệ chẳng khác, tức là Trì nghiệp thích, hoặc có thể chính hay làm giải thoát môn, Hữu lậu là xa phương tiện chẳng phải chính, không được gọi là Giải thoát môn, căn cứ theo xa phương tiện, Hữu lậu cũng phải, nương theo giải thích này, giải thoát tức là Niết-bàn, nhờ quán trí này làm môn, được nhập vào môn giải thoát, Y chủ thích. Căn cứ Trì nghiệp thích trước, giải thoát môn có ba, căn cứ theo Y chủ thích sau, thể của giải thoát có một, không thể nói là biết, do ba loại này không có thể làm môn kia, nên nói ba loại là môn của giải thoát hoặc ba môn của giải thoát.

Theo luận Hiển Dương quyển 2, không vô tướng nguyện đều thông với cảnh trí, tức là cảnh làm môn, nếu không phải cảnh kia, trí khởi như thế nào? Nếu cảnh chẳng phải kia, trí không xứng hợp cảnh, không gọi là chánh trí, trí xứng hợp với cảnh sinh mới gọi là chánh trí, nên năng quán trí dùng cảnh làm môn, như giáo cùng với trí và nghĩa làm môn, trí nhờ vào ngôn giáo, mới có thể ngộ lý, lý cũng nhờ vào giác mà mới được hiển bày, cùng với hai loại làm môn, ba giải thoát môn nên biết cũng như vậy, nhưng sở quán cũng gọi là môn, tức là sở biến

tướng chưa được chân chứng. Nên luận Phật Địa đại không vô tướng làm sở nhập môn, rõ ràng có năng nhập, năng nhập tức là tri, hoặc năng quán trí gọi nó là môn, lý do trí hiển bày. Nói sở nhập môn là nhân trí làm cửa quả trí mới vào, như bốn thần túc, thần túc tuy tức là định, từ bốn nhân sinh ra định, cũng là định sinh ra, nên trí do trí nhập. Chuẩn theo đây mà nói lý thông với hai giải thích, nói hai không môn, nghĩa cũng chuẩn theo đây.

Luận: Thế tục có ba đều Trì nghiệp thích, do đây hai không có thể hiển bày rõ chân, chẳng phải ngay nơi Chân như, nên gọi là thế tục, hoặc chấp lấy đã hiển bày, mang theo tướng quán chân, chưa phải là thân chứng, mong phước bỏ thuyên chứng, nên gọi là hiển liễu, cũng là Trì nghiệp thích.

Luận: Thắng nghĩa có ba, một nghĩa thắng nghĩa, Sở là Y sĩ thích, nay giải thích thêm, cũng được Trì nghiệp thích, nghĩa nghĩa là đạo lý, thắng là không lỗi, như tự Niết-bàn gọi là Vô thượng, thắng này cũng như vậy, lại không lỗi cũng tức gọi là thắng, lý này tức là thắng, gọi là nghĩa thắng nghĩa, nghĩa ban đầu là lý, sau tức là thắng đạo lý, nghĩa giữa là tối thắng, hoặc cảnh nghĩa giữa thắng gọi là nghĩa thắng nghĩa. Luận nương theo đối pháp, trí Y chủ làm tên, nay luận pháp thể, tướng hình hơn kém, trì nghiệp làm tên gọi, hành giải nghĩa cũng thông với trì nghiệp, như pháp Thế đệ nhất, căn cứ theo trong pháp hành Vô lậu tối thắng, Vô lậu hành tức là thắng nghĩa. Luận căn cứ theo duyên cảnh, nay luận trí thể tướng hình hơn kém, hành tức là thắng nghĩa, đều gọi là đạo lý, đều là Đế, lấy riêng lựa ra chung, trong hành là Thắng y sĩ làm tên.

Luận: Tu tập phần vị v.v... phần vị giả là nương theo pháp phần vị, tác dụng không đồng, lập ra tên pháp khác, gọi là phần vị giả tức là phần, phú v.v... Luận nói rằng phần vị của phiền não là tánh của Đăng lưu, phần vị tức là phần v.v... Đăng lưu, vô tâm v.v... như danh, cú v.v... chỉ phần vị quả. Luận nói rằng ba phần vị, nên một sát-na của Phật âm thanh cũng năng thuyên, không phải vẫn nói pháp bất tương ưng này là tương tục giả, lại phóng dật v.v... đã phần vị giả, bất phóng dật v.v... trái lại đây có thể biết, nếu nói rằng tức là bốn loại đều không đồng với phần v.v... vì gọi là phần vị, cũng không như vậy. Sinh các pháp đồng thời, vì sao gọi là phần vị? Nếu nói rằng phần vị trước sau khác nhau, gọi là phần vị. Cũng phòng ngừa tu, không ngăn ngừa tu phần vị khác nhau, gọi là phần vị, hoặc thông với phần vị và tụ tập giả, Trạch diệt, phi Trạch diệt cũng phần vị giả, Vô vi tuy chẳng phải khởi kết, phần

vị cũng đắ, gọi là nhiễm tịnh phần vị, nên kinh Pháp Hoa gọi là pháp vị, nhưng nay luận nói: Viên thành thật tánh chỉ là thật hữu, không do duyên khác mà thiết lập ra căn cứ theo Chân như mà nói, chẳng cho rằng Trạch diệt đợi duyên khác, lại giải thích chỉ thật, tuy do trí hiển bày, bản tánh tự có, không do duyên sinh mà thiết lập nên.

